

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC NGẠCH GIÁO VIÊN
 TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2019 (TUYỂN DỤNG TRONG NĂM 2020)**

(Danh sách kèm theo Thông báo số: /TB-HĐTD, ngày /10/2020 của Hội đồng tuyển dụng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập
 trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2019)

**Lưu ý: Thí sinh có thông tin kèm theo ở cột Ghi chú 1 (cột 22), Ghi chú 2 (cột 23) trong danh sách này thực hiện theo Thông báo số 1595/TB-HĐTD ngày 22/10/2020
 đã tăng tải trên Website Sở Giáo dục và Đào tạo, địa chỉ: <http://gddt.daklak.gov.vn>**

TT	Số HS	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Bằng THPT	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trường Đào tạo	Loại hình đào tạo	Năm tốt nghiệp	Tốt nghiệp loại	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thạc sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên			Ghi chú 1	Ghi chú 2	
																				Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)			(22)	(23)	
001	233	Nguyễn Thị Thái An	07/07/1993	Nữ	Kinh	Đức Thọ, Hà Tĩnh	x	Đại học	Ngôn ngữ Anh	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Khá	x	Pháp B	Cơ bản		Tiếng Anh	THPT Lê Hồng Phong						
002	307	Đoàn Bình An	20/08/1992	Nam	Kinh	Nam Trực, Nam Định	x	CNSP	Giáo dục thể chất	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Khá		Anh B	Cơ bản		Thể dục	THPT Lê Hồng Phong						
003	388	Phạm Thị Thúy An	07/06/1990	Nữ	Kinh	Nghĩa Dân, Nghệ An	x	TCSP	Mầm non	Trung Cấp Trường Sơn	Chính quy	2017	Khá		Anh B	Tin B		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng		Con BB 70%				
004	579	Nguyễn Trần Trường An	02/01/1997	Nam	Kinh	Phù Vang, Thừa Thiên Huế	x	DHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2019	Khá		Anh B	Cơ bản		Hóa học	THPT Việt Đức						
005	6	Trần Đức Anh	01/11/1990	Nam	Kinh	Vũ Thư, Thái Bình	x	Đại học	Giáo dục thể chất	ĐH Thể dục thể thao HCM	Chính quy	2013	Trung bình	x	Anh B	SCN		Thể dục	THPT Lê Hồng Phong						
006	84	Vũ Vinh Anh	24/10/1992	Nam	Kinh	Đông Sơn, Thanh Hóa	x	DHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2014	Khá		Anh B	Tin B		Hóa học	THPT Việt Đức						
007	244	Trịnh Thị Quỳnh Anh	04/10/1990	Nữ	Kinh	Ý Yên, Nam Định	x	DHSP	Hóa học	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2012	Khá		Anh B	Tin B	x	Hóa học	THPT Trần Phú						
008	319	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	07/01/1993	Nữ	Kinh	Can Lộc, Hà Tĩnh	x	Cử nhân	Toán học	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2015	Trung bình	x	Anh B	Tin B	x	Toán	THPT Hồng Đức						
009	331	Phạm Đình Anh	01/01/1993	Nam	Kinh	Thanh Chương, Nghệ An	x	Cử nhân	Toán học	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2015	Khá	x	Anh B	Tin B		Toán	THPT Lý Tự Trọng						
010	352	Bùi Nguyễn Ngọc Anh	13/05/1996	Nữ	Kinh	Thái Thụy, Thái Bình	x	TCSP	Mầm non	TCSP MN Đắk Lắk	Chính quy	2016	Khá		Anh B	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng						
011	391	Lê Thị Anh	08/11/1997	Nữ	Kinh	Nam Đàn, Nghệ An	x	DHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2019	Giỏi		Anh B	Cơ bản		Hóa học	THPT Trần Phú						
012	446	Nguyễn Thị Trâm Anh	19/07/1993	Nữ	Kinh	Phù Vang, Thừa Thiên Huế	x	DHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Giỏi		Anh B	Tin B		Hóa học	THPT Trần Phú						
013	449	Lê Thị Anh	22/07/1995	Nữ	Kinh	Vũ Quang, Hà Tĩnh	x	DHSP	Hóa học	ĐH Phú Yên	Chính quy	2017	Khá		Anh B	Cơ bản	x	Hóa học	THPT Nguyễn Tất Thành				Bổ sung bằng Thạc sĩ (chỉ có GXN)	Kèm Phụ lục 3	
014	493	Nguyễn Đỗ Văn Anh	12/04/1996	Nữ	Kinh	Tp Thái Bình	x	CNSP	Tiếng Anh	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2018	Khá		Pháp B	Cơ bản		Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Cừ						
015	576	Phan Ngọc Anh	05/04/1992	Nam	Kinh	Can Lộc, Hà Tĩnh	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2019	Khá		Anh B	Cơ bản		Vật lí	THPT Ea Rôk						
016	594	Phan Thị Ngọc Anh	16/11/1997	Nữ	Kinh	Thạch Hà, Hà Tĩnh	x	DHSP	Toán	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2019	Giỏi		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Nguyễn Huệ						
017	610	Nguyễn Thị Ngọc Anh	14/03/1996	Nữ	Kinh	Hiệp Hòa, Bắc Giang	x	CNSP	Sinh học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2018	Khá		Anh B	Cơ bản		Sinh học	THPT Ea Rôk						
018	657	Vũ Lê Ngọc Anh	10/11/1996	Nữ	Kinh	Tiền Hải, Thái Bình	2014	Đại học	Sư phạm Vật lí	Đại học Tây Nguyên	Chính quy	2018	Giỏi		Anh B	Cơ bản		Vật lí	THPT Việt Đức		Con TB		Bổ sung giấy xác nhận ưu tiên	Kèm Phụ lục 3	

TT	Số HS	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Bằng THPT	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trường Đào tạo	Loại hình đào tạo	Năm tốt nghiệp	Tốt nghiệp loại	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thạc sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên			Ghi chú 1	Ghi chú 2
																				Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)		
019	714	Trần Thị Hồng Anh	13/10/1993	Nữ	Kinh	Thái Bình	2011	Cử nhân	SP Toán	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Khá		Anh B	Tin B		Toán	THPT Buôn Đôn					
020	741	Hồ Thị Lan Anh	14/06/1996	Nữ	Kinh	Nghệ An	2014	Cao đẳng	GDMN	CDSP Đắk Lắk	Chính quy	2019	Khá		Anh A2	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					
021	664	Lương Văn Ba	13/09/1987	Nam	Kinh	Bình Sơn, Quảng Ngãi	2005	Đại học	Sư phạm Vật lí	Đại học Tây Nguyên	Chính quy	2009	TB Khá		Anh B1	Tin B	Lý luận và	Vật lí	THPT Ea Rók					
022	425	Nguyễn Ngọc Bá	12/10/1990	Nam	Kinh	Nam Đàn, Nghệ An	x	ĐHSP	Toán	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2017	Trung bình		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Trường Chinh					
023	748	Hoàng Thị Băng	19/02/1990	Nữ	Nùng	Cao Bằng	2008	Cử nhân	SP Toán	ĐHSP TP HCM	Chính quy	2013	TB Khá		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Lê Hồng Phong		DTTS, Con TB 21%			
024	129	H BiLi Kbuôr	23/01/1993	Nữ	Êđê	Krông Pắc, Đắk Lắk	x	ĐHSP	Hóa học	ĐHSP TP HCM	Chính quy	2018	Trung bình		Anh B	Cơ bản		Hóa học	THPT Nguyễn Tất Thành		DTTS			
025	725	Nguyễn Thị Thanh Bình	25/09/1995	Nữ	Kinh	Quảng Bình	2015	Cử nhân	SP Sinh học	ĐHSP-ĐH Huế	Chính quy	2019	Giỏi		Anh B1	Cơ bản		Sinh học	THPT Tôn Đức Thắng					
026	100	Nông Thị Bô	18/05/1988	Nữ	Nùng	Trùng Khánh, Cao Bằng	x	ĐHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2012	Khá		Anh B1	Tin B	x	Vật lí	THPT Trần Phú		DTTS			
027	485	Ktul H' Bonn	21/11/1989	Nữ	Êđê	Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	x	CNSP	Lịch sử	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2012	Khá		Anh B	Tin A		Lịch sử	THPT Trần Phú		DTTS			
028	135	H' Bũm ÊBan	01/01/1991	Nữ	Êđê	Cư M'gar, Đắk Lắk	x	ĐHSP	Địa lí	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2014	Khá		Anh B	Tin A		Địa lí	THPT Trần Quang Khải		DTTS			
029	103	Lê Thị Ngọc Cẩm	20/11/1988	Nữ	Kinh	Hội An, Quảng Nam	x	Đại học	Tiếng Anh	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2011	TB Khá	x	Pháp B	Tin B		Tiếng Anh	THPT Trường Chinh					
030	648	H Cem Hmok	20/07/1996	Nữ	Êđê	Buôn Đôn, Đắk Lắk	2016	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	CD Bách khoa Tây Nguyên	Chính quy	2020	Giỏi		Anh B	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng		DTTS			
031	58	Hoàng Thị Châm	18/07/1989	Nữ	San Chí	Định Hóa, Thái Nguyên	x	ĐHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2012	TB Khá		Anh B	Tin A		Hóa học	THPT Ea Rók		DTTS			
032	325	Võ Thị Hương Châu	03/09/1988	Nữ	Kinh	Hương Sơn, Hà Tĩnh	x	ĐHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2010	Khá		Anh B	Tin A		Hóa học	THPT Việt Đức					
033	375	Trần Thị Mỹ Châu	29/09/1993	Nữ	Kinh	Phù Mỹ, Bình Định	x	ĐHSP	Hóa học	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2015	Khá		Anh B	Tin A		Hóa học	THPT Nguyễn Văn Cừ					
034	30	Phan Nhất Chi	11/10/1994	Nữ	Kinh	Mộ Đức, Quảng Ngãi	x	ĐHSP	Tiếng Anh	ĐH Ngoại ngữ Đà Nẵng	Chính quy	2016	Khá		Hàn A2	Tin B		Tiếng Anh	THPT Nguyễn Bình Khiêm					
035	53	Nguyễn Thị Kim Chi	18/10/1991	Nữ	Kinh	Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	x	ĐHSP	Toán	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2013	Khá		Anh B	Tin B	x	Toán	THPT Hùng Vương					
036	101	Nguyễn Thị Lệ Chi	06/02/1995	Nữ	Kinh	An Nhơn, Bình Định	x	ĐHSP	Toán	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2017	Khá		Anh B	Tin B	X	Toán	THPT Ea Rók					
037	347	Đặng Thị Uyên Chi	12/06/1982	Nữ	Kinh	Triệu Phong, Quảng Trị	x	Cử nhân	Giáo dục mầm non	ĐHSP Đà Nẵng	VLVH	2019	Giỏi		Anh B	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					
038	435	Hà Thị Kim Chi	15/01/1989	Nữ	Kinh	An Nhơn, Bình Định	x	Đại học	Văn học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2012	Khá	x	Anh B	SCN		Ngữ văn	THPT Phạm Văn Đồng					
039	560	Trần Nhật Kim Chi	25/07/1996	Nữ	Kinh	Quyển Lưu, Nghệ An	x	ĐHSP	Sinh học	ĐH Tây nguyên	Chính quy	2019	Khá		Anh B	Cơ bản		Sinh học	THPT Nguyễn Tất Thành					
040	734	Huỳnh Thị Lan Chi	09/06/1992	Nữ	Kinh	Bình Định	2010	Cử nhân	Lịch sử	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2014	Khá	x	Anh B	Tin B		Lịch sử	THPT Nguyễn Bình Khiêm					
040	ND037	Phạm Ngọc Chiến	06/05/1990	Nam	Kinh	Tiên Phước, Quảng Nam	x	CNSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính Quy	2017	Giỏi		Anh B	Cơ bản		Hóa học	THPT Nguyễn Chí Thanh					
042	460	Ngô Hữu Chính	14/09/1992	Nam	Kinh	Mộ Đức, Quảng Ngãi	x	ĐHSP	Toán học	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2015	Khá		Anh B	Tin B		Toán	THPT Trần Hưng Đạo					
043	350	H' Choeh Kbuôr	13/03/1991	Nữ	Êđê	Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	x	CNSP	Lịch sử	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2015	Khá		Anh B	Tin A		Lịch sử	THPT Trần Phú		DTTS			

TT	Số HS	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Bằng THPT	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trường Đào tạo	Loại hình đào tạo	Năm tốt nghiệp	Tốt nghiệp loại	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thạc sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên			Ghi chú 1	Ghi chú 2
																				Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)		
044	293	Nguyễn Ngọc Chung	14/06/1988	Nam	Kinh	Tây Hòa, Phú Yên	x	DHSP	Địa lí	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2012	Khá		Anh B	Tin B		Địa lí	THPT Nguyễn Tất Thành					
045	402	Hồ Thị Chung	10/06/1992	Nữ	Vân Kiều	Hương Hóa, Quảng Trị	x	DHSP	Toán	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Khá		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Lê Hồng Phong		DTTS		Bổ sung chứng chỉ tin học (chỉ có GXN)	Kèm Phụ lục 3
046	676	Đặng Thị Vương Chuyên	22/03/1991	Nữ	Kinh	Hoài Ân, Bình Định	2010	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Đại học Quy Nhơn	Chính quy	2014	Giỏi		Anh B	Tin B		Lịch sử	THPT Nguyễn Văn Cừ					
047	239	Phan Phi Công	15/11/1993	Nam	Kinh	Hương Sơn, Hà Tĩnh	x	DHSP	Toán học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Giỏi		Anh B	Tin B	x	Toán	THPT Võ Văn Kiệt					
048	465	Bach Thị Nữ Công	26/03/1985	Nữ	Kinh	Tuy Phước, Bình Định	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2009	Khá		Anh B	Tin A	x	Vật lí	THPT Ea Rók					
049	522	Nguyễn Thị Kim Cúc	29/09/1987	Nữ	Kinh	Bồ Trach, Quảng Bình	x	Đại học	Lịch sử	ĐH Dân lập Phú Xuân	Chính quy	2010	Khá	x	Anh B	Tin A		Lịch sử	THPT Võ Văn Kiệt					
050	152	Trần Văn Cường	17/02/1991	Nam	Kinh	Nghi Xuân, Hà Tĩnh	x	Đại học	GD Thể chất	ĐH Quốc tế Hồng Bàng	Chính quy	2014	Khá	x	Anh B	Tin B		Thể dục	THPT Nguyễn Huệ				Chứng chỉ tin học, ngoại ngữ không hợp lệ	Kèm Phụ lục 2
051	316	Quách Mạnh Cường	28/08/1996	Nam	Kinh	Lý Nhân, Hà Nam	x	Đại học	Huấn luyện thể thao	ĐH TDTT HCM	Chính quy	2018	Khá	Chứng nhận	Anh B	Cơ bản		Thể dục	THPT Phan Chu Trinh					
052	489	Nguyễn Bá Cường	20/08/1992	Nam	Kinh	Nghi Lộc, Nghệ An	x	Cử nhân	Giáo dục thể chất	ĐH TDTT HCM	Chính quy	2014	Trung bình	x	Anh B	Tin B		Thể dục	THPT Trần Phú					
053	524	Lê Tấn Cường	03/02/1991	Nam	Kinh	Thăng Bình, Quảng Nam	x	Đại học	Ngữ Văn	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2013	TB Khá	x	Anh B	Tin A	x	Ngữ văn	THPT Ea Rók					
054	559	Lê Hùng Cường	31/08/1988	Nam	Kinh	Hoàng Hóa, Thanh Hóa	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây nguyên	Chính quy	2010	Khá		Anh B	Tin B	X	Vật lí	THPT Nguyễn Thị Minh Khai					
055	727	Phan Thị Dàng	01/04/1997	Nữ	Kinh	Bình Định	2015	Cử nhân	SP Tiếng Anh	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2019	Trung bình		Pháp B	Cơ bản		Tiếng Anh	THPT Nguyễn Chí Thanh					
056	181	H' Danh Mlô	18/10/1993	Nữ	Êđê	Buôn Hồ, Đắk Lắk	x	DHSP	Sinh học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Giỏi		Anh B	Tin A		Sinh học	THPT Tôn Đức Thắng		DTTS			
057	250	Hứa Quang Danh	01/01/1996	Nam	Kinh	Đại Lộc, Quảng Nam	x	DHSP	Toán học	ĐH Đà Nẵng	Chính quy	2019	Giỏi		Anh C	Cơ bản		Toán	THPT Trường Chinh					
058	580	Y Det Tor	31/01/1997	Nam	MNông	Lắk, Đắk Lắk	x	DHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2019	Khá		Anh B	Cơ bản		Hóa học	THPT Nguyễn Chí Thanh		DTTS			
059	611	Đỗ Thị Thanh Diễm	11/04/1993	Nữ	Kinh	Mộ Đức, Quảng Ngãi	x	Cử nhân	Hóa học	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2015	Giỏi	x	Anh B	Cơ bản	x	Hóa học	THPT Trần Phú					
060	72	Lê Thị Ngọc Diệp	20/03/1994	Nữ	Kinh	Vũ Thư, Thái Bình	x	DHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2016	Khá		Anh B	Tin B		Hóa học	THPT Trần Phú					
061	156	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	11/11/1987	Nữ	Kinh	Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	x	DHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2010	Khá		Anh B1	Tin B	X	Hóa học	THPT Trần Phú					
062	417	Nguyễn Thị Diệp	10/05/1993	Nữ	Kinh	Hân Thi, Hưng Yên	x	Đại học	Giáo dục thể chất	ĐH Thể dục thể thao Đà Nẵng	Chính quy	2015	Giỏi	x	Anh B	Tin B		Thể dục	THPT Nguyễn Huệ					
063	514	H' Djuyn Ktla	31/01/1991	Nữ	Êđê	Cư M'gar, Đắk Lắk	x	DHSP	Lịch sử	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2013	Khá		Anh B	Tin B		Lịch sử	THPT Trần Phú		DTTS			
064	87	Hương Thị Dung	29/05/1991	Nữ	Nùng	Trảng Dĩnh, Lạng Sơn	x	DHSP	Hóa học	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2014	Khá		Anh B	Tin B		Hóa học	THPT Trần Phú		DTTS			
065	112	Mai Quỳnh Dung	12/10/1995	Nữ	Kinh	Nga Sơn, Thanh Hóa	x	DHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2017	Khá		Anh B	Cơ bản		Hóa học	THPT Trần Phú					
066	199	Phạm Thị Kim Dung	18/08/1989	Nữ	Kinh	Tam Kỳ, Quảng Nam	x	DHSP	Toán	ĐH Đà Nẵng	Chính quy	2011	TB Khá		Anh B1	Tin B	X	Toán	THPT Trường Chinh					
067	261	Lê Thị Dung	02/04/1998	Nữ	Kinh	Hương Sơn, Hà Tĩnh	x	TCSP	Mầm non	Trung cấp SP MN Đắk Lắk	Chính quy	2017	Khá		Anh A	Tin A		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					
068	305	Nguyễn Thị Dung	10/05/1993	Nữ	Kinh	Thạch Hà, Hà Tĩnh	x	DHSP	Toán học	ĐH Phú Yên	Chính quy	2016	Khá		Anh B	Tin A		Toán	THPT Hồng Đức					

TT	Số HS	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Bằng THPT	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trường Đào tạo	Loại hình đào tạo	Năm tốt nghiệp	Tốt nghiệp loại	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thạc sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên			Ghi chú 1	Ghi chú 2
																				Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)		
069	322	Trương Thị Mỹ Dung	14/02/1996	Nữ	Kinh	Mộ Đức, Quảng Ngãi	x	TCSP	Mầm non	TC Trường Sơn	Chính quy	2016	Giỏi		Anh B	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					
070	430	Nguyễn Thị Dung	10/10/1991	Nữ	Kinh	Triệu Phong, Quảng Trị	x	DHSP	Ngữ Văn	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Giỏi	x	Anh B	Tin B	x	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi					
071	433	Trần Thị Kim Dung	09/10/1993	Nữ	Kinh	Tiền Hải, Thái Bình	x	Đại học	Giáo dục Chính trị	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Khá	x	Anh B	Tin B		GDCD	THPT Lắc					
072	130	Trần Xuân Dũng	20/10/1983	Nam	Kinh	Hương Khê, Hà Tĩnh	x	DHSP	Lịch sử	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2007	Khá		Anh B	Tin A		Lịch sử	THPT Trần Phú					
073	197	Trương Công Dũng	20/06/1981	Nam	Kinh	Kỳ Anh, Hà Tĩnh	x	DHSP	Hóa học	ĐH Hà Tĩnh	Chính quy	2015	Giỏi		TOEIC 450	Tin B		Hóa học	THPT Nguyễn Tất Thành				Chứng chỉ ngoại ngữ không hợp lệ	Kèm Phụ lục 2
074	218	Vì Văn Dũng	14/02/1988	Nam	Thái	Mai Châu, Hòa Bình	x	Cử nhân	Giáo dục thể chất	ĐHSP Thể dục thể thao Tp HCM	Chính quy	2010	Khá		Anh B	Cơ bản		Thể dục	THPT Nguyễn Huệ		DTTS			
075	17	Lương Thị Thùy Dương	25/04/1991	Nữ	Kinh	An Khê, Gia Lai	x	Đại học	Tiếng Anh	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2013	TB Khá	x	Trung B	Tin A		Tiếng Anh	THPT Nguyễn Thái Bình					
076	66	Sạch Thị Dương	26/02/1996	Nữ	Nùng	Quảng Uyên, Cao Bằng	x	DHSP	Tiếng Anh	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2019	Khá		Hoa B	Cơ bản		Tiếng Anh	THPT Ea Rôk		DTTS			
077	376	Nguyễn Thị Quỳnh Dương	10/03/1995	Nữ	Kinh	Tuyên Hòa, Quảng Bình	x	DHSP	Vật lí	ĐH Quảng Bình	Chính quy	2018	Khá		Anh B	Tin B		Vật lí	THPT Việt Đức		Con TB 35%			
078	395	Võ Thùy Dương	30/01/1994	Nữ	Kinh	Hoài Ân, Bình Định	x	DHSP	Ngữ văn	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2016	Khá		Anh B	Tin B		Ngữ văn	THPT Phạm Văn Đồng					
079	468	Nguyễn Thị Thùy Dương	12/07/1991	Nữ	Kinh	Đức Thọ, Hà Tĩnh	x	TCSP	Mầm non	TCSP Mầm non Đăk Lăk	Chính quy	2018	Giỏi		Anh B	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					
080	499	Bùi Thị Hồng Dương	14/12/1997	Nữ	Kinh	Ý Yên, Nam Định	x	CNSP	Tiếng Anh	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2019	Khá		Trung B	Cơ bản		Tiếng Anh	THPT Cư M'gar					
081	710	Trần Hồng Ánh Dương	22/08/1994	Nữ	Kinh	Thái Bình	2012	Cử nhân	SP Tiếng Anh	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2016	Trung bình		Pháp B	Tin B		Tiếng Anh	THPT Ea Rôk				Bổ sung kết luận về sức khỏe trong GKSK	Kèm Phụ lục 3
082	733	Nguyễn Văn Dương	01/03/1997	Nam	Kinh	Hải Dương	2015	Cử nhân	SP Địa lí	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2019	Khá		Anh C	Cơ bản		Địa lí	THPT Nguyễn Tất Thành					
083	7	Hoàng Thị Duyên	10/05/1993	Nữ	Kinh	Hương Khê, Hà Tĩnh	x	DHSP	Lịch sử	ĐHSP Vinh	Chính quy	2015	Khá		Anh B	Tin B		Lịch sử	THPT Võ Văn Kiệt					
084	62	Nguyễn Thị Hương Duyên	26/03/1984	Nữ	Kinh	Phù Cát, Bình Định	x	DHSP	Ngữ Văn	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2007	TB Khá		Anh B	Tin A	x	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi					
085	259	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	02/02/1995	Nữ	Kinh	Đức Phổ, Quảng Ngãi	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2018	Khá		Anh B	Cơ bản		Vật lí	THPT Ea Rôk					
086	324	H' Duyên Niê	03/04/1995	Nữ	Êđê	Buôn Ma Thuột, Đăk Lăk	x	Cử nhân	Giáo dục mầm non	ĐHSP Tp. HCM	VLVH	2019	Khá		Anh B	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng		DTTS			
087	329	Hồ Thị Duyên	16/10/1987	Nữ	Kinh	Quỳnh Lưu, Nghệ An	x	Đại học	Giáo dục Chính trị	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2010	Giỏi	x	Anh B	Tin A		GDCD	THPT Nguyễn Văn Cừ					
088	346	Lang Thị Duyên	15/04/1992	Nữ	Thái	Thường Xuân, Thanh Hóa	x	Cử nhân	Văn học	ĐH Đà Lạt	Chính quy	2014	Khá	x	Anh B	Văn phòng		Ngữ văn	THPT Ea Rôk		DTTS		Chứng chỉ tin học không hợp lệ	Kèm Phụ lục 2
089	726	Quách Thị Hạnh Duyên	16/07/1991	Nữ	Mường	Thanh Hóa	2009	Cử nhân	SP Tiếng Anh	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2013	Trung bình		Pháp B	Tin B		Tiếng Anh	THPT Nguyễn Chí Thanh		DTTS		Bổ sung giấy xác nhận ưu tiên	Kèm Phụ lục 3
090	22	Nguyễn Thị Anh Đài	06/02/1995	Nữ	Kinh	Triệu Phong, Quảng Trị	x	CĐSP	Giáo dục mầm non	CĐSP TW Nha Trang	Chính quy	2017	Trung bình		Anh B	Tin A		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					
091	14	Trần Thị Linh Đan	02/10/1995	Nữ	Kinh	Bình Sơn, Quảng Ngãi	x	DHSP	Toán học	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2017	Khá		Anh B	Tin B		Toán	THPT Lý Tự Trọng					
092	394	H' Dao Bkrông	02/04/1997	Nữ	Êđê	Krông Ana, Đăk Lăk	x	Đại học	GD Chính trị	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2013	Khá		Anh B	Cơ bản		GDCD	THPT Lắc		DTTS			
093	472	Lê Việt Sinh Điền	29/10/1994	Nam	Kinh	Mộ Đức, Quảng Ngãi	x	Cử nhân	Giáo dục Chính trị	ĐH Sài Gòn	Chính quy	2017	Khá		Anh B	Tin A		GDCD	THPT Nguyễn Văn Cừ					

TT	Số HS	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Bằng THPT	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trường Đào tạo	Loại hình đào tạo	Năm tốt nghiệp	Tốt nghiệp loại	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thạc sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên			Ghi chú 1	Ghi chú 2
																				Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)		
094	73	Nguyễn Nam Đông	21/01/1991	Nam	Kinh	Thị Hòa, Thanh Hóa	x	DHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2013	Khá		Anh B	Tin B	x	Hóa học	THPT Nguyễn Huệ		Con TB			
095	183	Trần Đức	09/11/1987	Nam	Kinh	Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	x	DHSP	Sinh học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2009	TB Khá		Anh B	Cơ bản		Sinh học	THPT Võ Văn Kiệt					
096	241	Nguyễn Ngọc Đường	20/12/1986	Nam	Kinh	Đức Thọ, Hà Tĩnh	x	DHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2011	TB Khá		Anh B	Cơ bản		Hóa học	THPT Nguyễn Tất Thành					
097	498	Võ Văn Tuấn Em	10/10/1987	Nam	Kinh	Thăng Bình, Quảng Nam	x	Cử nhân	Giáo dục thể chất	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Giỏi		Anh B	Cơ bản		Thế dục	THPT Nguyễn Huệ			NVQS		
098	160	Nguyễn Thị Hồng Gám	22/01/1989	Nữ	Kinh	Quỳnh Phụ, Thái Bình	x	DHSP	Sinh học	ĐHSP TP HCM	Chính quy	2011	Khá		Anh B	Cơ bản		Sinh học	THPT Ea Súp		Con TB 25%			
099	469	Trương Lê Giang	01/04/1993	Nam	Kinh	Đông Hòa, Phú Yên	x	CNSP	Toán học	ĐH Phú Yên	Chính quy	2016	Khá		Anh B	Tin A	x	Toán	THPT Trần Hưng Đạo					
100	688	Đình Thị Giang	15/10/1978	Nữ	Kinh	Tiền Hải, Thái Bình	2002	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	Cao đẳng Bách khoa Tây Nguyên	Chính quy	2019	Khá		Anh B	Tin B		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					
101	729	Hoàng Thị Lợi Giang	10/03/1993	Nữ	Kinh	Nghệ An	2011	Cử nhân	Công nghệ thông tin	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Khá	x	Anh B	Cử nhân		Tin học	THPT Trần Quang Khải					
102	405	H Góp Kriêng	22/10/1991	Nữ	Êđê	Buôn Hồ, Đắk Lắk	x	DHSP	Địa lí	ĐHSP TP. Hồ Chí Minh	Chính quy	2014	Khá		Anh B	Tin B		Địa lí	THPT Krông Bông			DTTS		
103	16	Trần Thị Ngọc Hà	05/07/1995	Nữ	Kinh	Kỳ Anh, Hà Tĩnh	x	DHSP	Tiếng Anh	ĐH Ngoại ngữ Huế	Chính quy	2017	Khá		Trung B1	Cơ bản		Tiếng Anh	THPT Phan Đình Phùng					
104	139	Đỗ Thị Hồng Hà	23/04/1994	Nữ	Kinh	Tuy Phước, Bình Định	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2016	Khá		Anh B1	Tin B	X	Vật lí	THPT Trần Phú					
105	381	Hà Thị Hà	10/10/1991	Nữ	Thái	Quan Hóa, Thanh Hóa	x	Đại học	Công nghệ thông tin	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2014	Khá	x	Anh B	Đại học		Tin học	THPT Nguyễn Tất Thành			DTTS		
106	387	Phan Thị Hà	05/10/1984	Nữ	Kinh	Yên Thành, Nghệ An	x	CĐSP	Mầm non	CDSP TW Nha Trang	Chính quy	2009	Khá		Anh B	Tin A		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					
107	492	Vũ Thị Thu Hà	20/10/1988	Nữ	Kinh	Thanh Thủy, Phú Thọ	x	DHSP	Địa lí	ĐHSP Đà Nẵng	Chính quy	2011	Khá		Anh C	Cơ bản		Địa lí	THPT Krông Bông				Bổ sung chứng chỉ ngoại ngữ (chưa công chứng)	Kèm Phụ lục 3
108	508	Hoàng Thị Việt Hà	21/04/1991	Nữ	Kinh	Hương Khê, Hà Tĩnh	x	Đại học	Vật lí	ĐH Đà Lạt	Chính quy	2013	Khá	x	Anh B	Tin A	x	Vật lí	THPT Nguyễn Thị Minh Khai					
109	570	Vũ Nguyễn Hải Hà	23/08/1990	Nữ	Kinh	Ân thi, Hưng Yên	x	Đại học	GD Thể chất	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2016	Xuất sắc		Anh B	Cơ bản		Thế dục	THPT Trần Phú					
110	633	Trần Thị Hà	17/05/1989	Nữ	Kinh	Lộc Hà, Hà Tĩnh	x	Cử nhân	Văn học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2012	Khá	x	Anh B	SCN		Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi					
111	662	Đặng Thị Việt Hà	05/03/1988	Nữ	Kinh	Thanh Chương, Nghệ An	2006	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Đại học Quy Nhơn	Chính quy	2011	Khá		Anh C	Tin A	Lịch sử Việt	Lịch sử	THPT Nguyễn Văn Cừ					
112	669	Đình Thị Hà	02/02/1988	Nữ	Kinh	Minh Hoá, Quảng Bình	2006	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Đại học Tây Nguyên	Chính quy	2012	Khá		Anh B	Tin A		Ngữ văn	THPT Lắc					
113	740	Lê Thu Hà	19/12/1998	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	2016	Cao đẳng	GDMN	CDSP Đắk Lắk	Chính quy	2019	Khá		Anh B	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng				Bổ sung giấy xác nhận thời gian công tác	Kèm Phụ lục 3
114	201	Nguyễn Mai Như Hạ	12/06/1991	Nữ	Kinh	Phù Cát, Bình Định	x	Đại học	Toán học	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2013	TB Khá	x	Anh B	Cơ bản	x	Toán	THPT Võ Văn Kiệt					
115	108	Nguyễn Thị Hải	16/08/1993	Nữ	Kinh	Hương Sơn, Hà Tĩnh	x	DHSP	Lịch sử	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2015	Giỏi		Anh B	Tin A		Lịch sử	THPT Võ Văn Kiệt					
116	133	Lê Minh Hải	04/10/1991	Nam	Kinh	Vũ Thư, Thái Bình	x	Đại học	GD Thể chất	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2014	Khá		Anh B	Tin A		Thế dục	THPT Lắc					
117	271	Trần Minh Hải	25/11/1996	Nam	Kinh	Hoài Nhơn, Bình Định	x	Đại học	Giáo dục Chính trị	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2018	Khá		Anh C	Tin B		GD CD	THPT Nguyễn Văn Cừ					
118	403	Bùi Văn Hải	29/01/1993	Nam	Kinh	Kim Môn, Hải Dương	x	DHSP	Địa lí	ĐH Sài Gòn	Chính quy	2019	Khá		Anh B	Tin A		Địa lí	THPT Trần Quang Khải					

TT	Số HS	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Bằng THPT	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trường Đào tạo	Loại hình đào tạo	Năm tốt nghiệp	Tốt nghiệp loại	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thạc sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên			Ghi chú 1	Ghi chú 2
																				Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)		
119	692	Hồ Văn Hải	02/09/1996	Nam	Kinh	Quỳnh Lưu, Nghệ An	2014	Đại học	Giáo dụcQP-AN	Đại học SP Hà Nội	Chính quy	2020	Khá		Anh A2	Cơ bản		GDQP-AN	THPT Nguyễn Thị Minh Khai					
120	698	Lê Thị Hải	23/08/1995	Nữ	Kinh	Yên Định, Thanh Hoá	2013	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	Cao đẳng Bách khoa Tây Nguyên	Chính quy	2019	Giỏi		Anh B	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					
121	341	Nguyễn Thị Hân	27/05/1993	Nữ	Kinh	Tây Sơn, Bình Định	x	DHSP	Sinh học	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2016	Khá		Anh B	Tin B	x	Sinh học	THPT Phan Chu Trinh					
122	43	Nguyễn Thị Thanh Hằng	08/05/1996	Nữ	Kinh	Nông Cống, Thanh Hóa	x	DHSP	Vật lí	ĐH Vinh	Chính quy	2018	Khá		Anh B1	Cơ bản		Vật lí	THPT Trần Phú					
123	207	Đình Trần Diệu Hằng	06/03/1988	Nữ	Kinh	Hoài Nhơn, Bình Định	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2011	Khá		Anh B	Tin B	x	Vật lí	THPT Trần Phú					
124	268	Lê Thị Minh Hằng	09/02/1994	Nữ	Kinh	Nghi Lộc, Nghệ An	x	DHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2016	Giỏi		Anh B	Tin B		Hóa học	THPT Nguyễn Chí Thanh					
125	291	Nguyễn Thị Thu Hằng	25/07/1988	Nữ	Kinh	Hương Sơn, Hà Tĩnh	x	DHSP	Lịch sử	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2011	Khá		Anh B	Tin B		Lịch sử	THPT Trần Hưng Đạo					
126	336	Lê Thị Hằng	15/04/1988	Nữ	Kinh	Thạch Hà, Hà Tĩnh	x	Cử nhân	Hóa học	ĐH Vinh	Chính quy	2012	Khá	x	Anh B	Tin B		Hóa học	THPT Nguyễn Văn Cừ					
127	369	Đặng Thị Thanh Hằng	04/10/1994	Nữ	Kinh	Phù Cát, Bình Định	x	DHSP	Toán	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2016	Trung bình		Anh A2	Cơ bản		Toán	THPT Trường Chinh					
128	445	Trương Thị Hằng	06/11/1994	Nữ	Kinh	Tam Kỳ, Quảng Nam	x	DHSP	Lịch sử	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2017	Khá		Anh B	Tin B		Lịch sử	THPT Trần Hưng Đạo					
129	544	Nguyễn Thị Lệ Hằng	20/12/1996	Nữ	Kinh	Thiệu Hóa, Thanh Hóa	x	DHSP	Sinh học	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2019	Khá		Anh B	Cơ bản		Sinh học	THPT Nguyễn Tất Thành					
130	626	Võ Thị Hằng	14/03/1993	Nữ	Kinh	Hưng Nguyên, Nghệ An	x	CNSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Khá		Anh B	Tin B		Hóa học	THPT Việt Đức					
131	682	Nguyễn Thị Bích Hằng	15/05/1987	Nữ	Kinh	TX Quảng Ngãi, Quảng Ngãi	2005	Đại học	Sinh học	Đại học Tây Nguyên	Chính quy	2010	Khá	x	Đại học	Tin B	Sinh học thực	Sinh học	THPT Tôn Đức Thắng					
132	128	Nguyễn Thị Hạnh	12/02/1991	Nữ	Kinh	Phong Điền, Thừa Thiên Huế	x	DHSP	Toán	ĐHSP-ĐH Huế	Chính quy	2014	Trung bình		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Hồng Đức					
133	216	Nguyễn Mai Như Hạnh	22/12/1992	Nữ	Kinh	Phù Cát, Bình Định	x	DHSP	Tiếng Anh	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2014	Giỏi		Pháp B	Tin B		Tiếng Anh	THPT Trường Chinh					
134	516	Võ Hồng Hạnh	11/05/1992	Nữ	Kinh	Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	x	DHSP	Toán	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2014	Khá		Anh B	Tin B		Toán	THPT Hồng Đức					
135	625	Nguyễn Đức Hạnh	01/08/1989	Nam	Kinh	Quỳnh Lưu, Nghệ An	x	Cử nhân	Giáo dục thể chất	ĐH TDTT Tp. HCM	Chính quy	2011	Trung bình	x	Anh B	Cơ bản		Thể dục	THPT Nguyễn Huệ		Con TB			
136	668	Trần Thị Hạnh	11/05/1990	Nữ	Kinh	Kỳ Anh, Hà Tĩnh	2008	Đại học	Sư phạm Lịch sử - Giáo dục	Đại học SP TP. Hồ Chí Minh	Chính quy	2013	Khá		Anh B	Tin B		GDQP-AN	THPT Nguyễn Văn Cừ					
137	262	Phan Mỹ Hào	18/01/1996	Nữ	Kinh	Tiên Phước, Quảng Nam	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2018	Giỏi		Anh B	Cơ bản		Vật lí	THPT Ea Rôk					
138	728	Phan Mỹ Hào	18/01/1996	Nữ	Kinh	Quảng Nam	2014	Cử nhân	SP Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2018	Giỏi		Anh B	Cơ bản		Vật lí	THPT Ea Rôk					
139	193	Lý Thị Hậu	16/04/1992	Nữ	Nùng	Hữu Lũng, Lạng Sơn	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2014	Giỏi		Anh B	Tin B		Vật lí	THPT Việt Đức		DTTS			
140	119	Phan Thị Thanh Hiền	26/07/1991	Nữ	Kinh	Nam Đàn, Nghệ An	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2013	Giỏi		Anh B	Tin A		Vật lí	THPT Việt Đức					
141	123	Huỳnh Thị Hiền	06/11/1989	Nữ	Kinh	Hiệp Đức, Quảng Nam	x	DHSP	Toán	ĐH Quảng Nam	Chính quy	2011	Khá		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Tôn Đức Thắng					
142	143	Phạm Thị Hiền	10/10/1993	Nữ	Kinh	Đô Lương, Nghệ An	x	DHSP	Toán	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Khá		Anh B	Tin B		Toán	THPT Nguyễn Huệ					
143	151	Nguyễn Thị Hiền	05/11/1996	Nữ	Kinh	Quảng Xương, Thanh Hóa	x	DHSP	Ngữ văn	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2018	Khá		Anh B	Cơ bản		Ngữ văn	THPT Phạm Văn Đồng					

TT	Số HS	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Bằng THPT	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trường Đào tạo	Loại hình đào tạo	Năm tốt nghiệp	Tốt nghiệp loại	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thạc sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên			Ghi chú 1	Ghi chú 2
																				Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)		
144	238	Hồ Thị Thu Hiền	08/01/1989	Nữ	Kinh	Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	x	Đại học	Việt Nam học-Địa lí du lịch	DH Dân lập Phú Xuân	Chính quy	2011	Khá	x	Anh B1	Tin B	x	Địa lí	THPT Hùng Vương					
145	279	Trịnh Thị Hiền	09/09/1989	Nữ	Kinh	Nam Sách, Hải Dương	x	DHSP	Toán	DH Quy Nhơn	Chính quy	2012	TB Khá		Anh B	Tin B	x	Toán	THPT Tôn Đức Thắng					
146	301	Nguyễn Thị Diệu Hiền	07/01/1990	Nữ	Kinh	Đông Hà, Quảng Trị	x	Cử nhân	Sinh học	DH Đà Lạt	Chính quy	2012	Khá	x	Anh B	Tin A		Sinh học	THPT Phan Chu Trinh					
147	342	Hoàng Thị Hiền	22/07/1994	Nữ	Mường	Yên Láp, Phú Thọ	x	DHSP	Tiếng Anh	DH Tây Nguyên	Chính quy	2016	Khá		Pháp B	Tin B		Tiếng Anh	THPT Tôn Đức Thắng		DTTS			
148	383	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	23/09/1984	Nữ	Kinh	Hòa Vang, Đà Nẵng	x	Đại học	Ngữ văn	DH Tây Nguyên	Chính quy	2011	Giỏi	x	Anh B	Cơ bản		Ngữ văn	THPT Phạm Văn Đồng				Bổ sung chứng chỉ tin học (chỉ có GXN)	Kèm Phụ lục 3
149	444	Phạm Thị Thu Hiền	02/04/1990	Nữ	Kinh	Nga Sơn, Thanh Hóa	x	DHSP	Toán	DH Quy Nhơn	Chính quy	2012	Khá		Anh B	Tin B	x	Toán	THPT Hùng Vương					
150	575	Trần Thị Hiền	21/03/1994	Nữ	Kinh	Kim Sơn, Ninh Bình	x	DHSP	Vật lí	DH Tây Nguyên	Chính quy	2016	Khá		Anh B	Tin B		Vật lí	THPT Việt Đức					
151	590	Trần Thị Hiền	09/02/1993	Nữ	Kinh	An Nhơn, Bình Định	x	DHSP	Toán	DH Phú Yên	Chính quy	2015	Khá		Anh B	Tin B		Toán	THPT Trường Chinh					
152	602	Đinh Thị Thu Hiền	22/11/1993	Nữ	Chứt	Minh Hóa, Quảng Bình	x	CNSP	Sinh học	DH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Giỏi		Anh B	Tin B		Sinh học	THPT Ea Rôk		DTTS			
153	613	Nguyễn Thị Thu Hiền	12/04/1997	Nữ	Kinh	Tuy An, Phú Yên	x	CNSP	Sinh học	DH Tây Nguyên	Chính quy	2019	Khá		Anh B	Cơ bản		Sinh học	THPT Ea Súp					
154	629	Trần Thị Thu Hiền	16/06/1994	Nữ	Kinh	Đức Thọ, Hà Tĩnh	x	CNSP	Vật lí	DH Vinh	Chính quy	2016	Khá		Anh B	Cơ bản		Vật lí	THPT Ea Súp					
155	716	Trịnh Thị Thảo Hiền	07/02/1999	Nữ	Kinh	Nghệ An	2017	Trung cấp	SPMN Đắc Lắc	Trung cấp SPMN Đắc Lắc	Chính quy	2019	Khá		Anh B	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					
156	719	Nguyễn Thị Thu Hiền	18/05/1992	Nữ	Kinh	Quảng Nam	2010	Đại học	Ngô ngữ Anh	DH Duy Tân	Chính quy	2014	Giỏi	x	Hoa B	Tin B		Tiếng Anh	THPT Lắc					
157	372	Cao Hoàng Hiệp	14/02/1991	Nam	Kinh	Cẩm Giăng, Hải Dương	x	DHSP	GD Thể chất	DH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Khá		Anh B	Tin B		Thể dục	THPT Lê Hồng Phong					
158	377	Phạm Thanh Hiệp	02/09/1987	Nam	Kinh	Quảng Trạch, Quảng Bình	x	DHSP	Vật lí	DH Tây Nguyên	Chính quy	2011	Khá		Anh B	Cơ bản		Vật lí	THPT Phan Chu Trinh					
159	379	Trương Thị Hiệp	31/05/1991	Nữ	Kinh	Thăng Bình, Quảng Nam	x	DHSP	Toán	DHSP Đà Nẵng	Chính quy	2013	Khá		Anh B	Tin B		Toán	THPT Trường Chinh					
160	513	Trần Quang Hiệp	19/09/1986	Nam	Kinh	Thăng Bình, Quảng Nam	x	Đại học	Giáo dục thể chất	DH Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh	Chính quy	2009	TB Khá	x	Anh B	Tin B		Thể dục	THPT Trần Phú					
161	42	Huỳnh Thị Hiếu	29/03/1992	Nữ	Kinh	Phú Ninh, Quảng Nam	x	DHSP	Vật lí	DH Quảng Nam	Chính quy	2014	Khá		Anh B1	Cơ bản	x	Vật lí	THPT Việt Đức					
162	122	Trần Trung Hiếu	06/12/1993	Nam	Kinh	Tĩnh Gia, Thanh Hóa	x	DHSP	Toán	DH Tây Nguyên	Chính quy	2017	Khá		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Trường Chinh					
163	558	Nguyễn Trung Hiếu	16/10/1997	Nam	Kinh	Đức Thọ, Hà Tĩnh	x	DHSP	Hóa học	DH Tây nguyên	Chính quy	2019	Khá		Anh B	Cơ bản		Hóa học	THPT Phạm Văn Đồng					
164	604	Đỗ Văn Hiếu	01/07/1997	Nam	Kinh	Lệ Thủy, Quảng Bình	x	CNSP	Hóa học	DH Quảng Bình	Chính quy	2019	Khá		Anh B	Tin B		Hóa học	THPT Nguyễn Tất Thành					
165	146	Nguyễn Hồng Diệu Hoa	20/06/1991	Nữ	Kinh	Vũ Thư, Thái Bình	x	DHSP	Tiếng Anh	DH Tây Nguyên	Chính quy	2014	Khá		Pháp B	Cơ bản		Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Cừ					
166	163	Nguyễn Thị Phương Hoa	29/12/1997	Nữ	Kinh	Ứng Hòa, Hà Nội	x	DHSP	Toán	DH Kiên Giang	Chính quy	2019	Giỏi		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Tôn Đức Thắng					
167	267	Phạm Thị Mỹ Hoa	10/09/1995	Nữ	Kinh	Bình Sơn, Quảng Ngãi	x	DHSP	Sinh học	DH Tây Nguyên	Chính quy	2017	Khá		Anh B	Tin B		Sinh học	THPT Tôn Đức Thắng					
168	270	Lê Thị Hoa	31/01/1994	Nữ	Kinh	Yên Mô, Ninh Bình	x	DHSP	Toán	DH Tây Nguyên	Chính quy	2016	Khá		Anh B	Tin B		Toán	THPT Nguyễn Huệ					

TT	Số HS	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Bằng THPT	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trường Đào tạo	Loại hình đào tạo	Năm tốt nghiệp	Tốt nghiệp loại	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thạc sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên			Ghi chú 1	Ghi chú 2
																				Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)		
169	332	Thái Thị Hoa	12/09/1991	Nữ	Kinh	Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	x	DHSP	Vật lí	DHSP Huế	Chính quy	2013	Khá		Anh B	Tin A		Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo					
170	335	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	23/12/1993	Nữ	Kinh	Hương Sơn, Hà Tĩnh	x	DHSP	Toán học	ĐH Phú Yên	Chính quy	2015	Giỏi		Anh B	Tin B		Toán	THPT Võ Văn Kiệt					
171	632	Thái Mỹ Hoa	28/11/1996	Nữ	Kinh	Yên Thành, Nghệ An	x	TCSP	Giáo dục mầm non	TCSP Mầm non Đăk Lăk	Chính quy	2016	Khá		Anh B	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					
172	656	Võ Thị Thu Hoà	15/06/1990	Nữ	Kinh	Thăng Bình, Quảng Nam	2008	Đại học	Sư phạm Lịch sử - Giáo dục	Đại học SP TP. Hồ Chí Minh	Chính quy	2013	TB Khá		Anh B	Tin B		Lịch sử	THPT Nguyễn Bình Khiêm				Chứng chỉ tin học, ngoại ngữ không hợp lệ	Kèm Phụ lục 2
173	535	Nguyễn Thị Hòa	10/06/1985	Nữ	Kinh	Đô Lương, Nghệ An	x	Đại học	Ngữ Văn	ĐH Vinh	Chính quy	2012	Khá	x	Anh B	Cơ bản		Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi					
174	593	Triệu Thị Khánh Hòa	16/10/1995	Nữ	Kinh	Thăng Bình, Quảng Nam	x	DHSP	Địa lí	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2018	Khá		Anh B	Tin B		Địa lí	THPT Krông Bông					
175	598	Nguyễn Thị Hòa	03/01/1996	Nữ	Kinh	Hòa Vang, Đà Nẵng	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2018	Khá		Anh B	Cơ bản		Vật lí	THPT Việt Đức					
176	273	Nguyễn Thị Thu Hoài	03/02/1989	Nữ	Kinh	Hương Khê, Hà Tĩnh	x	DHSP	Giáo dục thể chất	ĐH Thể dục thể thao Đà Nẵng	Chính quy	2011	Khá		Anh B	Cơ bản		Thể dục	THPT Phan Chu Trinh		Con BB <81%		Bổ sung giấy xác nhận ưu tiên	Kèm Phụ lục 3
177	709	Nguyễn Hữu Hoài	17/04/1997	Nam	Kinh	Thừa Thiên Huế	2015	Cử nhân	SP Toán	ĐH Đà Nẵng	Chính quy	2020	Giỏi		TOEIC 265	Cơ bản		Toán	THPT Nguyễn Chí Thanh					
178	304	H' Hoan Du	30/10/1993	Nữ	MNông	Lắk, Đăk Lăk	THCS	TCSP	Mầm non	TCSP Mầm non Đăk Lăk	Chính quy	2018	Khá		Anh B	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng		DTTS			
179	1	Nguyễn Minh Hoàng	28/07/1987	Nam	Kinh	Thăng Bình, Quảng Nam	x	Đại học	Công nghệ thông tin	ĐH Công nghiệp thực phẩm HCM	Chính quy	2016	Trung bình	x	Anh C	Đại học		Tin học	THPT Buôn Ma Thuột					
180	13	Trần Đức Hoàng	18/12/1993	Nam	Kinh	Quảng Trach, Quảng Bình	x	DHSP	Sinh học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Khá		Anh B	Tin A		Sinh học	THPT Võ Văn Kiệt					
181	113	Nguyễn Thị Bích Hoàng	19/09/1997	Nữ	Kinh	Buôn Ma Thuột, Đăk Lăk	x	Đại học	Giáo dục mầm non	DHSP Đà Nẵng	Chính quy	2017	Khá		Anh B	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					
182	700	Nguyễn Tiến Hoàng	22/11/1992	Nam	Kinh	Thạch Hà, Hà Tĩnh	2010	Đại học	Công nghệ thông tin	Đại học Tây Nguyên	Chính quy	2017	Trung bình	x	Anh B	Đại học		Tin học	THPT Việt Đức					
183	442	Nguyễn Quốc Hoạt	06/09/1995	Nam	Kinh	Ấn Thi, Hưng Yên	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2018	Khá		Anh B	Cơ bản		Vật lí	THPT Phan Đình Phùng					
184	326	Đào Thị Mỹ Hồng	08/09/1996	Nữ	MNông	An Lão, Bình Định	x	DHSP	Ngữ văn	ĐH Đà Lạt	Chính quy	2018	Trung bình		Anh B	Cơ bản		Ngữ văn	THPT Lắk		DTTS			
185	556	Trần Thị Hồng	08/11/1995	Nữ	Kinh	Kiến Xương, Thái Bình	x	DHSP	Hóa học	ĐH Tây nguyên	Chính quy	2017	Giỏi		Anh B	Tin B		Hóa học	THPT Trần Phú					
186	20	Vương Thị Hợp	14/03/1991	Nữ	Nùng	Thông Nông, Cao Bằng	x	DHSP	Tiếng Anh	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2013	Khá		Pháp B	Tin B		Tiếng Anh	THPT Buôn Đôn		DTTS			
187	282	Lý Thị Kim Hợp	17/08/1992	Nữ	Nùng	Quảng Hòa, Cao Bằng	x	DHSP	Tiếng Anh	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2014	Khá		Pháp B	SCN		Tiếng Anh	THPT Cư M'gar		DTTS			
188	416	Trần Thị Huế	08/04/1991	Nữ	Kinh	Kỳ Anh, Hà Tĩnh	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2014	Giỏi		Anh B	Tin B		Vật lí	THPT Phan Đình Phùng				Chứng chỉ tin học không hợp lệ	Kèm Phụ lục 2
189	117	Nguyễn Thị Kim Huệ	19/11/1991	Nữ	Kinh	Quảng Xương, Thanh Hóa	x	DHSP	Toán	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2013	Khá		Anh B	Tin B		Toán	THPT Võ Văn Kiệt					
190	186	Đặng Thị Minh Huệ	26/09/1991	Nữ	Nùng	Hạ Lang, Cao Bằng	x	DHSP	Toán	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2014	Khá		Anh B	Tin B		Toán	THPT Ea Rôk		DTTS			
191	242	Phan Thị Huệ	20/02/1989	Nữ	Kinh	Tur Nghĩa, Quảng Ngãi	x	DHSP	Toán học	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2012	Khá		Anh B	Tin A		Toán	THPT Võ Văn Kiệt					
192	243	Lê Thị Huệ	05/02/1992	Nữ	Kinh	Thiệu Hóa, Thanh Hóa	x	DHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2014	Giỏi		Anh B	Tin B		Hóa học	THPT Phạm Văn Đồng					
193	275	Phạm Thị Huệ	10/09/1993	Nữ	Kinh	Kỳ Anh, Hà Tĩnh	x	Cao đẳng	Giáo dục đặc biệt	CDSP TW Nha Trang	Chính quy	2016	Khá		Anh B	Cơ bản		GD đặc biệt	TT Hỗ trợ PTGDHN Trẻ khuyết tật					

TT	Số HS	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Bằng THPT	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trường Đào tạo	Loại hình đào tạo	Năm tốt nghiệp	Tốt nghiệp loại	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thạc sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên			Ghi chú 1	Ghi chú 2
																				Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)		
194	337	Nhữ Thị Huệ	21/08/1992	Nữ	Kinh	Bình Giang, Hải Dương	x	DHSP	Địa lí	ĐH Sài Gòn	Chính quy	2014	Khá		Anh B	Tin A		Địa lí	THPT Nguyễn Tất Thành					
195	31	Nguyễn Mạnh Hùng	28/06/1991	Nam	Kinh	Đông Hưng, Thái Bình	x	DHSP	Toán học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2013	Khá		Anh B	Tin B		Toán	THPT Lê Hồng Phong		Con TB<81%			
196	210	Hà Mạnh Hùng	20/08/1995	Nam	Kinh	Tiền Hải, Thái Bình	x	DHSP	Toán học	ĐHSP Huế	Chính quy	2019	Khá		Anh B1	Cơ bản		Toán	THPT Ea Súp					
197	364	Trần Nguyễn Hùng	10/08/1993	Nam	Kinh	Đức Thọ, Hà Tĩnh	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2018	Khá		Anh B	Cơ bản		Vật lí	THPT Trần Phú					
198	555	Nguyễn Việt Hùng	18/10/1986	Nam	Kinh	Lệ Thủy, Quảng Bình	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây nguyên	Chính quy	2009	TB Khá		Anh B	Cơ bản	X	Vật lí	THPT Phan Đình Phùng					
199	592	Trần Mạnh Hùng	07/07/1991	Nam	Kinh	Thạch Hà, Hà Tĩnh	x	DHSP	Tin học	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2014	Khá		Anh B			Tin học	THPT Võ Văn Kiệt					
200	88	Trần Hưng	06/09/1994	Nam	Kinh	Hương Điền, Thừa Thiên Huế	x	DHSP	Toán	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2017	Giỏi		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Ea Rốc					
201	107	Bùi Thị Hương	10/08/1983	Nữ	Kinh	Thăng Bình, Quảng Nam	x	DHSP	Ngữ văn	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2007	TB Khá		Anh B	Cơ bản		Ngữ văn	THPT Phạm Văn Đồng					
202	110	Phan Thị Thu Hương	07/04/1984	Nữ	Kinh	Tiền Hải, Thái Bình	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2006	Khá		Anh A2	Cơ bản	x	Vật lí	THPT Nguyễn Thị Minh Khai					
203	126	Phan Thị Thanh Hương	01/02/1995	Nữ	Kinh	Can Lộc, Hà Tĩnh	x	DHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2017	Khá		Anh B	Cơ bản		Hóa học	THPT Trần Phú					
204	172	Đào Thị Hương	02/06/1990	Nữ	Kinh	Kỳ Anh, Hà Tĩnh	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2013	Khá		Anh B	Tin B		Vật lí	THPT Ea Rốc					
205	584	Võ Thị Hương	09/04/1987	Nữ	Kinh	Thăng Bình, Quảng Nam	x	DHSP	Toán	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2010	TB Khá		Anh B	Tin B		Toán	THPT Hồng Đức					
206	603	Đào Thị Hương	07/08/1993	Nữ	Kinh	Tiền Lũ, Hưng Yên	x	CNSP	Lịch sử-GDQP	ĐHSP HCM	Chính quy	2015	Khá		Anh B	Cơ bản		GDQP-AN	THPT Nguyễn Thị Minh Khai					
207	627	Nguyễn Thị Hương	20/03/1993	Nữ	Kinh	Quảng Ninh, Quảng Bình	x	CNSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Khá		Anh B	Tin B		Hóa học	THPT Trần Phú					
208	628	Phạm Thị Hương	20/10/1991	Nữ	Kinh	Can Lộc, Hà Tĩnh	x	CNSP	Địa lí	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2015	Giỏi		Anh B	Tin A		Địa lí	THPT Krông Bông					
209	647	Nguyễn Thị Thu Hương	22/01/1996	Nữ	Kinh	Nghi Lộc, Nghệ An	2014	Đại học	Sư phạm Vật lí	Đại học Tây Nguyên	Chính quy	2020	Khá		Anh B1	Cơ bản		Vật lí	THPT Phan Chu Trinh					
210	683	Nguyễn Thị Thu Hương	11/09/1997	Nữ	Kinh	Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	2015	Đại học	Sư phạm Toán học	Đại học Quảng Nam	Chính quy	2020	Khá		Anh C	Nâng cao		Toán	THPT Võ Văn Kiệt					
211	92	Hà Thị Thu Hương	04/11/1987	Nữ	Kinh	Đông Hưng, Thái Bình	x	Đại học	Tiếng Anh	ĐHSP Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	Chính quy	2010	Khá	x	Pháp B	Tin B		Tiếng Anh	THPT Phan Đình Phùng					
212	185	Triệu Thu Hương	12/05/1989	Nữ	Tày	Thạch An, Cao Bằng	x	DHSP	Toán	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2012	Khá		Anh B	Tin B	X	Toán	THPT Ea Rốc		DTTS			
213	296	Nguyễn Thị Thúy Hương	26/02/1993	Nữ	Kinh	Anh Sơn, Nghệ An	x	DHSP	Toán	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Giỏi		Anh B	Tin B		Toán	THPT Ea Rốc					
214	222	Nguyễn Văn Hương	01/09/1986	Nam	Kinh	Đức Phổ, Quảng Ngãi	x	DHSP	Toán học	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2010	TB Khá		Anh B	Tin A	x	Toán	THPT Trường Chinh					
215	269	Nguyễn Văn Huy	29/02/1991	Nam	Tày	Lộc Bình, Lạng Sơn	Trung cấp nghề	DHSP	Giáo dục thể chất	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2014	Giỏi		Anh B	Cơ bản		Thể dục	THPT Nguyễn Huệ		DTTS			
216	536	Lê Thông Huy	10/08/1986	Nam	Kinh	Đông Sơn, Thanh Hóa	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2010	Khá		Anh B	Tin B		Vật lí	THPT Việt Đức					
217	550	Nguyễn Minh Huy	19/07/1992	Nam	Kinh	Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	x	Đại học	Toán	ĐHSP Hà Nội 2	Chính quy	2016	Khá	x	Anh B	C		Toán	THPT Trường Chinh					
218	732	Trần Thanh Huy	05/02/1996	Nam	Kinh	Bình Định	2014	Cử nhân	SP Toán	ĐH Phú Yên	Chính quy	2018	Khá		Anh C	Tin B		Toán	THPT Hồng Đức					

TT	Số HS	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Bằng THPT	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trường Đào tạo	Loại hình đào tạo	Năm tốt nghiệp	Tốt nghiệp loại	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thạc sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên			Ghi chú 1	Ghi chú 2
																				Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)		
219	192	Nguyễn Thị Xuân Huyền	23/10/1993	Nữ	Kinh	Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	x	DHSP	Tiếng Anh	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Khá		Pháp B	SCN		Tiếng Anh	THPT Tôn Đức Thắng					
220	525	Hoàng Thị Huyền	03/03/1994	Nữ	Nùng	Quảng Hòa, Cao Bằng	x	DHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2016	Khá		Anh B	Tin B		Hóa học	THPT Nguyễn Bình Khiêm		DTTS			
221	232	Đặng Thị Huyền	27/08/1993	Nữ	Kinh	Vĩnh Linh, Quảng Trị	x	DHSP	Vật lí	ĐHSP Huế	Chính quy	2016	Khá		Anh C	Tin B		Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo					
222	424	Trịnh Thị Diệu Huyền	10/08/1989	Nữ	Kinh	Bình Lục, Hà Nam	x	DHSP	Lịch sử	ĐH Đà Lạt	Chính quy	2014	Khá		Anh B	Cơ bản		Lịch sử	THPT Võ Văn Kiệt					
223	509	Phạm Thị Lệ Huyền	02/04/1997	Nữ	Kinh	Bình Sơn, Quảng Ngãi	x	DHSP	Vật lí	ĐH Phạm Văn Đồng	Chính quy	2019	Giỏi		Anh C	Cơ bản		Vật lí	THPT Việt Đức					
224	595	Nguyễn Thị Thanh Huyền	19/09/1997	Nữ	Kinh	Yên Mô, Ninh Bình	x	DHSP	Sinh học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2019	Khá		Anh B1	Cơ bản		Sinh học	THPT Phan Chu Trinh					
225	693	Nguyễn Thị Huyền	10/01/1997	Nữ	Kinh	Thạch Hà, Hà Tĩnh	2015	Đại học	Sư phạm Địa Lí	Đại học SP TP. Hồ Chí Minh	Chính quy	2020	Khá		AnhB1	Cơ bản		Địa lí	THPT Nguyễn Tất Thành					
226	310	La Thị Khai	30/12/1990	Nữ	Tày	Trùng Khánh, Cao Bằng	x	DHSP	Mầm non	ĐHSP Hà Nội	Từ xa	2017	TB Khá		Anh B	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng		DTTS			
227	118	Lữ Văn Khảm	06/06/1986	Nam	Thái	Thường Xuân, Thanh Hóa	x	DHSP	Ngữ văn	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2012	TB Khá		Anh B	Tin B		Ngữ văn	THPT Ea Rôk		DTTS			
228	687	Hồ Thị Mỹ Khanh	20/08/1993	Nữ	Kinh	Quảng Trạch, Quảng Bình	2011	Đại học	Sư phạm Vật lí	Đại học Quảng Bình	Liên thông	2017	Khá		Anh B	Tin B		Vật lí	THPT Buôn Hồ					
229	543	Đàm Thị Khánh	06/01/1983	Nữ	Tày	Hà Quảng, Cao Bằng	x	Đại học	Địa lí	ĐHSP TP. Hồ Chí Minh	Chính quy	2008	TB Khá		Anh B	Tin A		Địa lí	THPT Nguyễn Tất Thành		DTTS			
230	27	H' Khoa Mlô	12/07/1992	Nữ	Êđê	Cư M'gar, Đắk Lắk	x	DHSP	Ngữ văn	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Khá		Anh B	Tin B		Ngữ văn	THPT Ea Rôk		DTTS			
231	551	Đào Xuân Khoa	15/06/1996	Nam	Kinh	Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	x	DHSP	Toán	ĐHSP-ĐH Huế	Chính quy	2018	Trung bình		Anh B1	Cơ bản		Toán	THPT Ea Rôk					
232	323	Phan Đình Khôi	07/09/1990	Nam	Kinh	An Khê, Gia Lai	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2014	Khá		Anh B1	Cơ bản	x	Vật lí	THPT Việt Đức					
233	585	Lê Đình Khôi	03/09/1986	Nam	Kinh	Tĩnh Gia, Thanh Hóa	x	DHSP	Vật lí	ĐHSP Huế	Chính quy	2008	TB Khá		Anh B	Cơ bản	X	Vật lí	THPT Buôn Hồ					
234	99	Trần Thị Tuyết Khuyên	02/02/1988	Nữ	Kinh	Mộ Đức, Quảng Ngãi	x	DHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2012	Khá		Anh B	Tin A		Hóa học	THPT Nguyễn Văn Cừ					
235	182	Ngô Thị Khuyên	20/12/1988	Nữ	Kinh	Yên Dũng, Bắc Giang	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2011	Khá		Anh B	Tin B		Vật lí	THPT Việt Đức					
236	59	Hoàng Thị Kiểm	12/07/1992	Nữ	Tày	Bắc Sơn, Lạng Sơn	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2016	Khá		Anh B	Tin B		Vật lí	THPT Ea Rôk		DTTS			
237	339	Hoàng Trung Kiên	02/09/1989	Nam	Kinh	Nghi Lộc, Nghệ An	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2012	Khá		Anh B	Tin B		Vật lí	THPT Trần Phú					
238	211	Bùi Thị Kiều	20/05/1991	Nữ	Kinh	Quỳnh Lưu, Nghệ An	x	DHSP	Ngữ văn	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2014	Giỏi		Anh B	Cơ bản		Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi					
239	439	Thái Thị Kỳ	02/12/1990	Nữ	Kinh	Thăng Bình, Quảng Nam	x	Đại học	Hóa học	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2013	Khá	x	Anh B	Tin B	x	Hóa học	THPT Việt Đức					
240	691	Nguyễn Minh Lâm	15/03/1988	Nam	Kinh	Thăng Bình, Quảng Nam	2006	Đại học	Giáo dục thể chất	Đại học SP TP. Hồ Chí Minh	Vừa làm vừa học	2012	Khá		Hán B1	Tin B		Thể dục	THPT Phan Chu Trinh					
241	5	Hà Thị Lan	15/12/1990	Nữ	Nùng	Trà Lĩnh, Cao Bằng	x	DHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2014	Khá		Anh B	Tin B		Hóa học	THPT Nguyễn Chí Thanh		DTTS			
242	9	Bùi Thị Ngọc Lan	06/05/1988	Nữ	Kinh	Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	x	Đại học	Toán học	ĐH Đà Lạt	Chính quy	2011	Khá	x	Anh A2	Đại học		Toán	THPT Võ Văn Kiệt					
243	57	Đình Thị Mỹ Lan	15/05/1993	Nữ	Kinh	Triệu Phong, Quảng Trị	x	DHSP	Hóa học	ĐH Phú Yên	Vừa làm vừa học	2018	Khá		Anh B	Tin B		Hóa học	THPT Trần Phú					

TT	Số HS	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Bằng THPT	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trường Đào tạo	Loại hình đào tạo	Năm tốt nghiệp	Tốt nghiệp loại	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thạc sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên			Ghi chú 1	Ghi chú 2
																				Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)		
244	221	Nguyễn Thị Ngọc Lan	10/01/1997	Nữ	Kinh	Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh	x	DHSP	Địa lí	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2019	Khá		Anh C	Cơ bản		Địa lí	THPT Nguyễn Tất Thành					
245	429	Đình Thị Lan	29/07/1995	Nữ	Kinh	Vũ Thư, Thái Bình	x	DHSP	Toán	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2017	Khá		Anh B	Cơ bản	x	Toán	THPT Trường Chinh					
246	605	Trịnh Thị Tuyết Lan	10/10/1995	Nữ	Kinh	Vũ Thư, Thái Bình	x	CNSP	Toán học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2017	Giỏi		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Ea Rôk					
247	675	Nguyễn Thuý Kiều Lan	13/03/1988	Nữ	Kinh	Thanh Chương, Nghệ An	2006	Đại học	Sư phạm Hoá học	Đại học Quy Nhơn	Chính quy	2011	Khá		Anh B	Tin A	Hoá học vô	Hóa học	THPT Nguyễn Thị Minh Khai					
248	414	Hứa Thị Lân	23/04/1989	Nữ	Nùng	Cao Lộc, Lạng Sơn	x	DHSP	Địa lí	ĐH SPQuy Nhơn	Chính quy	2012	Khá		Anh B	Tin A		Địa lí	THPT Nguyễn Tất Thành		DTTS			
249	202	Phạm Thị Lanh	10/02/1986	Nữ	Kinh	Thái Thụy, Thái Bình	x	DHSP	Toán học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2009	TB Khá		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Tôn Đức Thắng					
250	109	Phạm Thị Lê	23/08/1997	Nữ	Kinh	Ý Yên, Nam Định	x	DHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2019	Khá		Anh B	Cơ bản		Hóa học	THPT Nguyễn Tất Thành					
251	658	H Lê Adrong	13/03/1998	Nữ	Êđê	Krông Buk, Đắk Lắk	2016	Đại học	Sư phạm Địa Lí	Đại học SP, Đại học Huế	Chính quy	2020	Khá		Anh B1	Cơ bản		Địa lí	THPT Buôn Đôn		DTTS			
252	482	Lê Thị Ngọc Lệ	20/07/1993	Nữ	Kinh	Thăng Bình, Quảng Nam	x	CNSP	Tiếng Anh	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Khá		Pháp B	Tin B		Tiếng Anh	THPT Lắk					
253	515	Lê Thị Cẩm Lệ	22/02/1996	Nữ	Kinh	Hòa Vang, Đà Nẵng	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2018	Giỏi		Anh B	Cơ bản		Vật lí	THPT Ea Súp					
254	750	Nguyễn Thị Lệ	10/10/1991	Nữ	Kinh	Thừa Thiên Huế	2009	Cử nhân	SP Sinh học	ĐHSP-ĐH Đà Nẵng	Chính quy	2013	Khá		Anh B	Cơ bản		Sinh học	THPT Võ Văn Kiệt					
255	75	H Len Êban	10/08/1988 7	Nữ	Êđê	Cư M'gar, Đắk Lắk	x	DHSP	Hóa học	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2013	TB Khá		Anh B	Tin B		Hóa học	THPT Nguyễn Chí Thanh		DTTS			
256	747	Dương Thị Liên	14/10/1990	Nữ	Kinh	Ninh Bình	2008	Cử nhân	Sinh học	ĐH Đà Lạt	Chính quy	2012	Khá	x	Anh B	Tin A		Sinh học	THPT Phan Chu Trinh					
257	617	Nguyễn Thị Liễu	05/06/1987	Nữ	Kinh	Thăng Bình, Quảng Nam	x	DHSP	Toán học	ĐH Quảng Nam	Chính quy	2011	TB Khá		Anh C	SCN		Toán	THPT Võ Văn Kiệt					
258	622	Phan Thị Liễu	10/04/1995	Nữ	Kinh	Nam Đàn, Nghệ An	x	CNSP	Toán học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2018	Giỏi		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Lê Hồng Phong					
259	11	Trần Thị Linh	12/03/1996	Nữ	Kinh	Lê Thủy, Quảng Bình	x	DHSP	Tiếng Anh	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2018	Giỏi		Pháp B	Cơ bản		Tiếng Anh	THPT Ea Rôk					
260	81	Trần Nhật Linh	05/04/1990	Nữ	Kinh	Hương Khê, Hà Tĩnh	x	DHSP	Vật lí	ĐHSP, ĐH Đà Nẵng	Chính quy	2012	Khá		Anh B	Tin B	x	Vật lí	THPT Nguyễn Thị Minh Khai					
261	111	Khuru Thi Thùy Linh	30/05/1993	Nữ	Kinh	Hương Trà, Thừa Thiên Huế	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Khá		Anh B	Tin B		Vật lí	THPT Việt Đức					
262	161	Nguyễn Thị Ngọc Linh	19/03/1991	Nữ	Kinh	Quỳnh Phụ, Thái Bình	x	DHSP	Toán	ĐHSP-ĐH Huế	Chính quy	2013	Khá		Anh B	Tin B	X	Toán	THPT Hồng Đức					
263	475	Nguyễn Thị Mỹ Linh	12/06/1997	Nữ	Kinh	Quỳnh Phụ, Thái Bình	x	CĐSP	Giáo dục mầm non	CĐSP Đắk Lắk	Chính quy	2018	Khá		Anh A2	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					
264	533	H Linh Niê	05/12/1993	Nữ	MNông	Lắk, Đắk Lắk	x	DHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Khá		Anh B	Tin B		Hóa học	THPT Nguyễn Chí Thanh		DTTS			
265	539	Nguyễn Thị Phương Linh	18/04/1996	Nữ	Kinh	Kiến Xương, Thái Bình	x	DHSP	Tiếng Anh	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2018	Trung bình		Pháp B	Cơ bản		Tiếng Anh	THPT Ea Rôk					
266	624	Hà Diệu Linh	03/03/1996	Nữ	Kinh	Phù Cát, Bình Định	x	CNSP	Toán học	ĐH Phú Yên	Chính quy	2018	Khá		Anh C	Tin B	x	Toán	THPT Võ Văn Kiệt					
267	671	Ngô Diệu Linh	04/09/1994	Nữ	Kinh	Hung Nguyên, Nghệ An	2012	Đại học	Sư phạm Toán học	Đại học SP, Đại học Huế	Chính quy	2016	Trung bình		Anh B	Tin B		Toán	THPT Trường Chinh					
268	672	Trần Thị Diệu Linh	17/05/1996	Nữ	Kinh	Hương Khê, Hà Tĩnh	2014	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học SP TP. Hồ Chí Minh	Chính quy	2019	Khá		Pháp A2	Cơ bản		Tiếng Anh	THPT Cư M'gar					

TT	Số HS	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Bằng THPT	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trường Đào tạo	Loại hình đào tạo	Năm tốt nghiệp	Tốt nghiệp loại	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thạc sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên			Ghi chú 1	Ghi chú 2
																				Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)		
269	699	Trần Thị Thảo Linh	16/09/1997	Nữ	Kinh	Thọ Xuân, Thanh Hoá	2015	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học Tây Nguyên	Chính quy	2020	Khá		Pháp B	Cơ bản		Tiếng Anh	THPT Trường Chinh					
270	707	Nguyễn Thị Mỹ Linh	26/01/1998	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	2016	Cử nhân	SP Toán	ĐH Khánh Hòa	Chính quy	2020	Khá		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Võ Văn Kiệt					
271	722	Nguyễn Thị Thùy Linh	12/10/1998	Nữ	Kinh	Nghệ An	2016	Cử nhân	SP Toán	ĐH Đà Nẵng	Chính quy	2020	Xuất sắc		Anh A2	Cơ bản		Toán	THPT Lê Hồng Phong					
272	155	Đoàn Thị Loan	22/10/1992	Nữ	Kinh	Nghiã Hưng, Nam Định	x	ĐHSP	Tiếng Anh	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Khá		Pháp B	Tin B		Tiếng Anh	THPT Trần Hưng Đạo					
273	200	Nguyễn Thị Loan	20/02/1992	Nữ	Kinh	Quảng Ninh, Quảng Bình	x	ĐHSP	Địa lí	ĐHSP TP HCM	Chính quy	2014	Khá		Anh B	Cơ bản		Địa lí	THPT Trần Quang Khải					
274	205	Nguyễn Thị Loan	05/07/1987	Nữ	Kinh	Phù Cát, Bình Định	x	ĐHSP	Sinh học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2010	Khá		Anh B	Tin B		Sinh học	THPT Phan Chu Trinh				Chứng chỉ ngoại ngữ không hợp lệ	Kèm Phụ lục 2
275	586	Lê Thị Loan	18/09/1995	Nữ	Kinh	Diễn Châu, Nghệ An	x	ĐHSP	Sinh học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2018	Giỏi		Anh B	Cơ bản		Sinh học	THPT Nguyễn Tất Thành					
276	600	Đàm Thị Loan	24/11/1990	Nữ	Tày	Quảng Uyên, Cao Bằng	x	ĐHSP	Ngữ văn	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2015	Khá		Anh B	Tin B		Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi		DTTS			
277	679	Nguyễn Thị Hồng Loan	12/09/1983	Nữ	Kinh	Thăng Bình, Quảng Nam	2003	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	Trung cấp Bách Nghệ Thanh Hoá	Chính quy	2016	Giỏi		Anh B	Tin B		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					
278	76	Võ Thị Lộc	02/01/1992	Nữ	Kinh	Tam Kỳ, Quảng Nam	x	Đại học	Địa lí	ĐHSP, ĐH Đà Nẵng	Chính quy	2014	Khá	x	Anh B	Cơ bản		Địa lí	THPT Buôn Đôn					
279	562	Nguyễn Thị Lợi	03/03/1991	Nữ	Kinh	Trực Thành, Nam Định	x	ĐHSP	Hóa học	ĐH Tây nguyên	Chính quy	2013	Giỏi		Anh B	Tin A		Hóa học	THPT Nguyễn Bình Khiêm					
280	65	Đào Hoàng Long	25/03/1991	Nam	Kinh	Tuy Phước, Bình Định	x	ĐHSP	Toán	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2014	Khá		Anh B1	Tin A	x	Toán	THPT Hồng Đức					
281	219	Phạm Ngọc Long	28/02/1987	Nam	Kinh	Kiến Xương, Thái Bình	x	Đại học	Công nghệ thông tin	ĐH Phú Yên	VLVH	2015	Khá	x	Anh B	Đại học		Tin học	THPT Buôn Ma Thuột					
282	497	Phạm Vũ Long	04/07/1988	Nam	Kinh	Lý Nhân, Hà Nam	x	Cử nhân	Giáo dục thể chất	ĐH Hồng Bàng	Chính quy	2010	TB Khá	x	Anh B	Tin A		Thể dục	THPT Buôn Đôn		Con TB			
283	634	Châu Ngọc Long	15/02/1983	Nam	Kinh	Núi Thành, Quảng Nam	x	CNSP	Vật lí	ĐHSP Đà Nẵng	Chính quy	2008	TB Khá		Đại học	KTV	x	Vật lí	THPT Việt Đức					
284	645	Võ Thị Kim Long	30/11/1989	Nữ	Kinh	Can Lộc, Hà Tĩnh	x	Cử nhân	Toán học	ĐH Đà Lạt	Chính quy	2012	Khá	x	Anh B	Tin B		Toán	THPT Lê Hồng Phong					
285	246	Nguyễn Thị Lọt	01/02/1992	Nữ	Kinh	Phù Mỹ, Bình Định	x	ĐHSP	Tiếng Anh	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Khá		Pháp B	Cơ bản		Tiếng Anh	THPT Nguyễn Tất Thành					
286	150	Trần Văn Luân	10/04/1992	Nam	Kinh	Đức Thọ, Hà Tĩnh	x	ĐHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2014	Khá		Anh B1	Tin A	X	Hóa học	THPT Trần Phú		Con BB 61%			
287	209	Trần Thị Luận	01/08/1992	Nữ	Kinh	Trà Bồng, Quảng Ngãi	x	TCSP	Mầm non	Trung cấp Trường Sơn	Chính quy	2017	Giỏi		Anh B	Tin B		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					
288	147	Nguyễn Thị Lương	17/06/1989	Nữ	Kinh	Đô Lương, Nghệ An	x	Đại học	GD Chính trị	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2014	Giỏi	x	Anh B	Tin B		GDCD	THPT Nguyễn Văn Cừ					
289	365	Bùi Thị Hiền Lương	17/06/1995	Nữ	Kinh	Phù Cừ - Hưng Yên	x	ĐHSP	Toán	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2018	Giỏi		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Ea Súp					
290	380	Lê Thị Luyến	20/01/1993	Nữ	Nùng	Văn Quan, Lạng Sơn	x	Đại học	GD Thể chất	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Giỏi		Anh B	Tin B		Thể dục	THPT Trần Phú		DTTS			
291	685	Phạm Thị Luyến	10/08/1987	Nữ	Mường	Ngọc Lạc, Thanh Hoá	2006	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Đại học SP, Đại học Huế	Chính quy	2013	Khá		Anh B	Tin A		Lịch sử	THPT Ea Súp		DTTS			
292	21	Nguyễn Thị Doãn Ly	18/07/1992	Nữ	Kinh	Núi Thành, Quảng Nam	x	ĐHSP	Toán học	ĐH Quảng Nam	Chính quy	2015	Khá		Anh B	Tin B		Toán	THPT Trần Hưng Đạo					
293	231	Nguyễn Thị Khánh Ly	02/11/1995	Nữ	Kinh	Đô Lương, Nghệ An	x	ĐHSP	Ngữ văn	ĐH Vinh	Chính quy	2017	Khá		Anh B1	Tin B		Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi					

TT	Số HS	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Bằng THPT	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trường Đào tạo	Loại hình đào tạo	Năm tốt nghiệp	Tốt nghiệp loại	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thạc sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên			Ghi chú 1	Ghi chú 2
																				Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)		
294	461	Lê Thị Hiền Ly	12/02/1996	Nữ	Kinh	Phù Cát, Bình Định	x	CNSP	Toán học	ĐH Phú Yên	Chính quy	2018	Khá		Anh B	Tin B		Toán	THPT Trường Chinh					
295	529	Nguyễn Thị Lý	01/01/1990	Nữ	Kinh	Thanh Chương, Nghệ An	x	Đại học	Địa lí du lịch	ĐH KHXH và Nhân văn	Chính quy	2012	Khá	x	Anh B	Tin Đại cương		Địa lí	THPT Nguyễn Tất Thành				Chứng chỉ tin học không hợp lệ	Kèm Phụ lục 2
296	607	Hồ Thị Minh Lý	05/04/1996	Nữ	Kinh	Quỳnh Lưu, Nghệ An	x	CĐSP	Giáo dục mầm non	CĐSP Đắk Lắk	Chính quy	2017	Khá		Anh B	Tin B		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng		Con TB		Bổ sung giấy xác nhận ưu tiên	Kèm Phụ lục 3
297	663	H Lý Cil	20/11/1997	Nữ	MNông	Lắk, Đắk Lắk	2016	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Đại học Quy Nhơn	Chính quy	2020	Khá		Anh B1	Cơ bản		Ngữ văn	THPT Lắk		DTTS			
298	299	Nguyễn Thị Ngọc Mai	17/12/1997	Nữ	Kinh	Phong Điền, Thừa Thiên Huế	x	ĐHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2019	Khá		Anh B	Cơ bản		Vật lí	THPT Việt Đức					
299	659	Đỗ Thị Ngọc Mai	22/12/1987	Nữ	Kinh	Nông Công, Thanh Hoá	2005	Đại học	Sư phạm Hoá học	Đại học Tây Nguyên	Chính quy	2010	Khá		Anh B	Tin A		Hóa học	THPT Phạm Văn Đồng					
300	717	Lê Thị Mai	27/12/1997	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	2015	Cử nhân	SP Vật lí	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2019	Khá		TOEFL 337	Cơ bản		Vật lí	THPT Phan Chu Trinh					
301	723	Võ Thị Tuyết Mai	15/08/1998	Nữ	Kinh	Quảng Bình	2016	Cử nhân	SP Toán	ĐH Đà Nẵng	Chính quy	2020	Khá		Anh A2	Cơ bản		Toán	THPT Trường Chinh		Con TB 26%			
302	473	Phan Đình Mạnh	06/12/1992	Nam	Kinh	Can Lộc, Hà Tĩnh	x	ĐHSP	Toán học	ĐH Hà Tĩnh	Chính quy	2016	Khá		TOEIC	Tin B		Toán	THPT Nguyễn Huệ				Chứng chỉ ngoại ngữ không hợp lệ	Kèm Phụ lục 2
303	32	Trần Thị Mến	03/04/1997	Nữ	Kinh	Tân Kỳ, Nghệ An	x	ĐHSP	Vật lí	ĐH Vinh	Chính quy	2019	Giỏi		Anh B1	Cơ bản		Vật lí	THPT Ea Rôk					
304	295	Thân Thị Mến	10/04/1989	Nữ	Kinh	Việt Yên, Bắc Giang	x	ĐHSP	Tiếng Anh	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2013	Khá		Pháp B	Tin B		Tiếng Anh	THPT Nguyễn Thái Bình					
305	309	Nguyễn Thị Mến	10/01/1986	Nữ	Kinh	Nông Công, Thanh Hóa	x	ĐHSP	Ngữ văn	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2009	Khá		Anh A2	Cơ bản		Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi					
306	220	Nguyễn Thị Trà Mí	09/02/1990	Nữ	Kinh	An Nhơn, Bình Định	x	Đại học	Ngôn ngữ Anh	ĐH Mỏ Tp HCM	Chính quy	2016	TB Khá	x	Pháp B	Tin B		Tiếng Anh	THPT Nguyễn Thái Bình					
307	260	Trần Thị Diệu Minh	02/02/1996	Nữ	Kinh	Quảng Trạch, Quảng Bình	x	ĐHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2018	Khá		Anh B	Cơ bản		Vật lí	THPT Buôn Hồ					
308	527	Đào Khả Minh	16/02/1991	Nam	Kinh	Triệu Sơn, Thanh Hóa	x	ĐHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2013	Khá		Anh B	Cơ bản	x	Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo					
309	528	Trương Hữu Minh	26/10/1995	Nam	Kinh	Lê Thủy, Quảng Bình	x	ĐHSP	Toán	ĐH Hoa Lư	Chính quy	2019	TB Khá		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Tôn Đức Thắng					
310	655	Lê Thị Ngọc Minh	25/05/1989	Nữ	Kinh	Lý Nhân, Hà Nam	2007	Đại học	Tiếng Anh	Đại học Tây Nguyên	Chính quy	2011	TB Khá	x	Pháp B	Tin B		Tiếng Anh	THPT Nguyễn Thị Minh Khai					
311	36	Lương Thị Mùi	01/07/1987	Nữ	Tày	Trùng Khánh, Cao Bằng	x	ĐHSP	Địa lí	ĐHSP Hồ Chí Minh	Chính quy	2012	Khá		Anh B	Tin A		Địa lí	THPT Trần Quang Khải		DTTS			
312	334	H' Muôi Byã	09/09/1990	Nữ	Êđê	Cư M'gar, Đắk Lắk	x	ĐHSP	Ngữ văn	ĐHSP Huế	Chính quy	2013	Khá		Anh B	Tin A		Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi		DTTS			
313	45	Nguyễn Ayn Thùy My	28/08/1994	Nữ	Êđê	Cư M'gar, Đắk Lắk	x	ĐHSP	Tiếng Anh	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2017	Khá		Trung B	Tin B		Tiếng Anh	THPT Cư M'gar		DTTS			
314	49	H' My Rian Êban	05/06/1995	Nữ	Êđê	Cư Kuin, Đắk Lắk	x	ĐHSP	Địa lí	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2017	Khá		Anh B	Tin B		Địa lí	THPT Buôn Đôn		DTTS			
315	397	Mai Thị Diệu My	20/02/1994	Nữ	Kinh	Tam Kỳ, Quảng Nam	x	ĐHSP	Hóa học	ĐH Tây nguyên	Chính quy	2016	Khá		Anh B	Tin B		Hóa học	THPT Phạm Văn Đồng					
316	404	Hoàng Thị Kiều My	13/11/1992	Nữ	Nùng	Trùng Khánh, Cao Bằng	x	ĐHSP	Toán	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2014	Khá		Anh B	Tin B		Toán	THPT Lý Tự Trọng		DTTS			
317	486	Nguyễn Thị Phương My	20/02/1991	Nữ	Kinh	Tiên Phước, Quảng Nam	x	Cử nhân	Hóa học	ĐHSP Đà Nẵng	Chính quy	2015	Khá	x	Anh C	Tin B		Hóa học	THPT Việt Đức					
318	651	Khang Thị Mỹ	01/02/1990	Nữ	Kinh	Hiệp Hoà, Bắc Giang	2008	Đại học	Sư phạm Hoá học	Đại học Quy Nhơn	Chính quy	2012	Khá		Anh B	Tin B	Hoá phân tích	Hóa học	THPT Trần Phú					

TT	Số HS	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Bằng THPT	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trường Đào tạo	Loại hình đào tạo	Năm tốt nghiệp	Tốt nghiệp loại	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thạc sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên			Ghi chú 1	Ghi chú 2
																				Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)		
319	245	Ngô Thị Ly Na	11/12/1989	Nữ	Kinh	Mộ Đức, Quảng Ngãi	x	DHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2011	Khá		Anh B	Cơ bản	x	Hóa học	THPT Nguyễn Tất Thành		Con TB			
320	389	H' Sa Ra Na Miô	13/08/1993	Nữ	Êđê	Krông Năng, Đắk Lắk	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2017	Khá		Anh B	Cơ bản		Vật lí	THPT Việt Đức		DTTS			
321	392	H' Li Na Miô	02/03/1993	Nữ	Êđê	Tx Buôn Hồ, Đắk Lắk	x	DHSP	Vật lí	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2016	Trung bình		Anh B	Tin B		Vật lí	THPT Ea Rôk		DTTS			
322	67	Đỗ Thị Nam	10/07/1990	Nữ	Kinh	Tur Nghĩa, Quảng Ngãi	x	DHSP	Toán	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2012	TB Khá		Anh B	Tin B	x	Toán	THPT Trường Chinh					
323	401	Ngô Văn Nam	28/11/1993	Nam	Kinh	Thăng Bình, Quảng Nam	x	DHSP	Vật lí	ĐHSP Đà Nẵng	Chính quy	2015	Khá		Anh A2	Tin B		Vật lí	THPT Ea Rôk					
324	432	Phạm Nhật Nam	22/05/1995	Nam	Kinh	Tiên Phước, Quảng Nam	x	DHSP	Lịch sử	ĐHSP Huế	Chính quy	2018	Giỏi		Anh B1	Cơ bản		Lịch sử	THPT Trần Hưng Đạo					
325	743	Bùi Quang Nam	18/04/1992	Nam	Kinh	Hà Nội	2010	Đại học	GĐTC-GDQP	ĐHSP- ĐH Đà Nẵng	Chính quy	2014	Giỏi		Anh B	Cơ bản		GDQP-AN	THPT Nguyễn Thị Minh Khai					
326	33	Nông Thị Nga	06/07/1992	Nữ	Tày	Hạ Lan, Cao Bằng	x	DHSP	Tiếng Anh	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2014	Khá		Pháp B	Tin B		Tiếng Anh	THPT Buôn Đôn		DTTS			
327	116	Trần Thị Hằng Nga	10/07/1992	Nữ	Kinh	Vũ Thư, Thái Bình	x	Đại học	Văn học	ĐHSP Hà Nội	Chính quy	2014	Khá	x	Anh B	Cơ bản		Ngữ văn	THPT LẮk					
328	140	Nguyễn Thị Thanh Nga	01/10/1987	Nữ	Kinh	Bình Sơn, Quảng Ngãi	x	Đại học	Ngữ văn	ĐH Bình Dương	Chính quy	2010	Khá	x	Anh B	THƯD		Ngữ văn	THPT Phạm Văn Đồng				Chứng chỉ tin học không hợp lệ	Kèm Phụ lục 2
329	177	Phạm Thị Thanh Nga	15/10/1990	Nữ	Kinh	Thái Thụy, Thái Bình	x	DHSP	Địa lí	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2012	Khá		Anh B	Tin B		Địa lí	THPT Trần Quang Khải					
330	504	Nguyễn Thị Thủy Nga	24/10/1992	Nữ	Kinh	Phù Cát, Bình Định	x	Đại học	Ngôn ngữ Anh	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2014	Khá	x	Pháp B	Cơ bản		Tiếng Anh	THPT Nguyễn Chí Thanh					
331	501	Phùng Thị Ngân	06/08/1988	Nữ	Nùng	Trùng Khánh, Cao Bằng	x	Đại học	Giáo dục Chính trị	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2013	Khá	x	Anh B	Cơ bản		GDCD	THPT LẮk		DTTS			
332	507	Lê Thị Ngân	16/09/1997	Nữ	Kinh	Thịệu Hóa, Thanh Hóa	x	DHSP	Toán	ĐH Đồng Tháp	Chính quy	2019	Khá		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Hồng Đức					
333	68	H Nghen Royam	27/07/1994	Nữ	MNông	LẮk, ĐẮk LẮk	x	Đại học	Giáo dục Chính trị	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2017	Khá	x	Anh B	Cơ bản		GDCD	THPT LẮk		DTTS			
334	189	Lê Đại Nghĩa	29/07/1989	Nam	Kinh	Thăng Bình, Quảng Nam	x	Đại học	GD Thể chất	ĐH TĐTT Đà Nẵng	Chính quy	2012	TB Khá	x	Anh B	Cơ bản		Thể dục	THPT Nguyễn Chí Thanh					
335	418	Nguyễn Thị Nghĩa	15/04/1997	Nữ	Kinh	Thanh Hà, Hải Dương	x	DHSP	Địa lí	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2019	Khá		Anh B	Cơ bản		Địa lí	THPT Nguyễn Tất Thành					
336	154	Hoàng Thị Bích Ngọc	06/01/1991	Nữ	Kinh	Kim Bảng, Hà Nam	x	DHSP	Toán	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2013	Khá		Anh B	Tin B	X	Toán	THPT Lê Hồng Phong					
337	257	Nguyễn Thị Bích Ngọc	19/07/1997	Nữ	Kinh	Kim Sơn, Ninh Bình	x	DHSP	Sinh học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2019	Khá		Anh B	Tin B		Sinh học	THPT Ea Rôk					
338	362	Trần Thị Ngọc	02/06/1996	Nữ	Kinh	Can Lộc, Hà Tĩnh	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2018	Giỏi		Anh B	Cơ bản		Vật lí	THPT Phan Chu Trinh					
339	400	Trần Thị Hồng Ngọc	04/07/1992	Nữ	Kinh	Nghi Xuân, Hà Tĩnh	x	DHSP	Toán	ĐH Tây nguyên	Chính quy	2014	Giỏi		Anh B	Tin B	X	Toán	THPT Nguyễn Huệ					
340	483	Đàm Thị Bích Ngọc	06/11/1989	Nữ	Nùng	Phục Hòa, Cao Bằng	x	CNSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2014	Khá		Anh B	Tin B	x	Hóa học	THPT Ea Rôk		DTTS			
341	534	Lê Thị Thu Ngọc	14/11/1991	Nữ	Kinh	Phù Cát, Bình Định	x	Đại học	Hóa học	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2013	Khá	x	Anh B	Tin B	x	Hóa học	THPT Trần Phú					
342	578	Nguyễn Thị Ngọc	11/04/1997	Nữ	Kinh	Can Lộc, Hà Tĩnh	x	DHSP	Tiếng Anh	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2019	Khá		Pháp B	Cơ bản		Tiếng Anh	THPT Nguyễn Thái Bình					
343	583	Lê Thị Bích Ngọc	28/01/1995	Nữ	Kinh	Thăng Bình, Quảng Nam	x	DHSP	Toán	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2017	Giỏi		Anh B	Tin B		Toán	THPT Ea Rôk					

TT	Số HS	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Bằng THPT	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trường Đào tạo	Loại hình đào tạo	Năm tốt nghiệp	Tốt nghiệp loại	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thạc sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên			Ghi chú 1	Ghi chú 2
																				Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)		
344	641	Ngô Thị Ngọc	25/06/1996	Nữ	Kinh	Thạch Hà, Hà Tĩnh	x	CNSP	Toán học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2019	Khá		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Trần Hưng Đạo					
345	653	Nguyễn Thị Thuý Ngọc	07/10/1989	Nữ	Kinh	Duy Xuyên, Quảng Nam	2007	Đại học	Sư phạm Hoá học	Đại học SP, Đại học Đà Nẵng	Chính quy	2011	Khá		Anh B	Tin B		Hóa học	THPT Phạm Văn Đồng					
346	674	Dương Thị Nguyễn Ngọc	04/02/1990	Nữ	Tày	Trà Lĩnh, Cao Bằng	2008	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Đại học Tây Nguyên	Chính quy	2013	Khá		Anh B	Tin B		Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi		DTTS		Bổ sung giấy xác nhận ưu tiên	Kèm Phụ lục 3
347	680	Nguyễn Thị Ngọc	06/04/1997	Nữ	Kinh	Nam Đàn, Nghệ An	2015	Đại học	Sư phạm Toán học	Đại học Vinh	Chính quy	2020	Giỏi		Anh B1	Cơ bản		Toán	THPT Hồng Đức					
348	115	Nguyễn Thảo Nguyễn	15/02/1993	Nữ	Kinh	Tư Nghĩa, Quảng Ngãi	x	ĐHSP	Tiếng Anh	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Khá		Pháp B	Tin B	X	Tiếng Anh	THPT Trường Chinh					
349	361	Nguyễn Hồ Cao Nguyễn	12/01/1997	Nữ	Kinh	Núi Thành, Quảng Nam	x	ĐHSP	Toán	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2019	Khá		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Trường Chinh					
350	374	Lê Thị Bình Nguyễn	24/10/1995	Nữ	Kinh	Lê Thủy, Quảng Bình	x	ĐHSP	Tiếng Anh	ĐHNN Đà Nẵng	Chính quy	2017	Khá		Hàn A2	Tin B		Tiếng Anh	THPT Buôn Đôn					
351	453	Nguyễn Thị Xuân Nguyệt	20/06/1988	Nữ	Kinh	Quảng Trach, Quảng Bình	x	ĐHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2010	Khá		Anh B	Cơ bản		Vật lí	THPT Việt Đức				Chứng chỉ ngoại ngữ không hợp lệ	Kèm Phụ lục 2
352	608	Phan Hồ Hồng Nguyệt	01/01/1997	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	x	CNSP	Toán học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2019	Giỏi		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Ea Rốc					
353	546	Vũ Thị Nhài	10/06/1987	Nữ	Kinh	Đông Hưng, Thái Bình	x	Đại học	Ngữ Văn	ĐH Bình Dương	Chính quy	2010	Khá	x	Giấy xác nhận	Tin A		Ngữ văn	THPT Lắc				Chứng chỉ ngoại ngữ không hợp lệ	Kèm Phụ lục 2
354	48	Nguyễn Thị Nhân	02/09/1988	Nữ	Kinh	Ý Yên, Hà Nam	x	ĐHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2011	Khá		Anh B	Cơ bản	x	Vật lí	THPT Nguyễn Chí Thanh					
355	328	Nguyễn Thị An Nhân	09/09/1990	Nữ	Kinh	Hòa Vang, Đà Nẵng	x	Cử nhân	Vật lí	ĐH Đà Lạt	Chính quy	2012	Khá	x	Anh B	Cơ bản		Vật lí	THPT Trần Phú					
356	751	Đào Phương Nhân	06/12/1997	Nữ	Kinh	Bình Định	2015	Cử nhân	SP Ngữ văn	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2020	Khá		Anh B1	Cơ bản		Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Cừ					
357	345	Nguyễn Thị Ngọc Nhân	09/06/1994	Nữ	Kinh	Hương Trà, Thừa Thiên Huế	x	ĐHSP	Vật lí	ĐHSP Huế	Chính quy	2016	Khá		Anh B	Tin B		Vật lí	THPT Trần Phú					
358	621	Đỗ Thị Thanh Nhãn	19/02/1996	Nữ	Kinh	Tư Nghĩa, Quảng Ngãi	x	ĐHSP	Hóa học	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2018	Khá		Anh B	Cơ bản		Hóa học	THPT Việt Đức					
359	ND031	Lê Vũ Nhật	29/08/1987	Nam	Kinh	Quảng Xương, Thanh Hóa	x	CNSP	Toán học	ĐH Tây Nguyên	Chính Quy	2014	Khá		Anh B	Cơ bản	x	Toán	THPT Nguyễn Chí Thanh					
360	234	Lê Hồng Khoa Nhật	26/05/1993	Nữ	Kinh	Anh Sơn, Nghệ An	x	ĐHSP	Giáo dục mầm non	ĐHSP Hà Nội	VLVH	2019	TB Khá		Anh B	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					
361	98	Nguyễn Yến Nhi	06/08/1997	Nữ	Kinh	Phù Mỹ, Bình Định	x	ĐHSP	Địa lí	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2019	Giỏi		Anh C	Cơ bản		Địa lí	THPT Buôn Đôn					
362	162	Trương Thị Ý Nhi	28/12/1997	Nữ	Kinh	Biên Hòa, Đồng Nai	x	ĐHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2019	Khá		Anh B	Cơ bản		Vật lí	THPT Trần Phú					
363	198	Nguyễn Thị Thùy Nhi	12/10/1987	Nữ	Kinh	Tuy Phước, Bình Định	x	ĐHSP	Hóa học	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2019	Giỏi		Anh C	Cơ bản		Hóa học	THPT Nguyễn Tất Thành					
364	615	Hoàng Thị Thảo Nhi	01/03/1997	Nữ	Kinh	An Lão, Bình Định	x	CNSP	Sinh học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2019	Khá		Anh B	Cơ bản		Sinh học	THPT Ea Rốc					
365	694	Trần Thị Yến Nhi	11/12/1992	Nữ	Kinh	Phú Lộc, Thừa Thiên Huế	2010	Đại học	Sư phạm Tin học	Đại học SP TP. Hồ Chí Minh	Chính quy	2014	Khá		Anh B	Đại học		Tin học	THPT Lắc					
366	731	Nguyễn Nhật Uyên Nhi	06/12/1998	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	2016	Đại học	SP Vật lí	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2020	Khá		Anh B1	Cơ bản		Vật lí	THPT Ea Súp					
367	26	H' Nhin Ayun	12/1/1992	Nữ	Êđê	Cư M'gar, Đắk Lắk	x	ĐHSP	Ngữ văn	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Khá		Anh B	Tin B		Ngữ văn	THPT Ea Rốc		DTTS			
368	18	Nông Thị Ngọc Như	27/07/1992	Nữ	Nùng	Quảng Uyên, Cao Bằng	x	ĐHSP	Địa lí	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2015	Giỏi		Anh B	Tin B		Địa lí	THPT Trần Quang Khải		DTTS			

TT	Số HS	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Bằng THPT	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trường Đào tạo	Loại hình đào tạo	Năm tốt nghiệp	Tốt nghiệp loại	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thạc sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên			Ghi chú 1	Ghi chú 2
																				Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)		
369	80	Phạm Thành Như	18/08/1990	Nam	Kinh	An Nhơn, Bình Định	x	Đại học	Công nghệ thông tin	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2014	Khá	x	Anh B	Đại học		Tin học	THPT Phan Chu Trinh					
370	548	Nguyễn Thị Kiều Như	01/09/1993	Nữ	Kinh	Tây Sơn, Bình Định	x	ĐHSP	Hóa học	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2015	Khá		Anh B	Cơ bản	x	Hóa học	THPT Trần Phú					
371	566	Phạm Thị Tố Như	27/09/1997	Nữ	Kinh	Quê Sơn, Quảng Nam	x	ĐHSP	Toán	ĐH Tây nguyên	Chính quy	2019	Khá		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Hùng Vương					
372	677	Lê Thị Quỳnh Như	19/02/1995	Nữ	Kinh	Vũ Thư, Thái Bình	2013	Đại học	Sư phạm Hoá học	Đại học Tây Nguyên	Chính quy	2017	Khá		Anh B	Cơ bản		Hóa học	THPT Nguyễn Tất Thành					
373	718	Nguyễn Đăng Quỳnh Như	18/09/1994	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	2012	Cao đẳng	GDMN	CDSP Đăk Lăk	Chính quy	2016	Khá		Anh B	Tin B		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					
374	179	Phạm Thị Hồng Nhung	11/08/1996	Nữ	Kinh	Thanh Liêm, Hà Nam	x	ĐHSP	Ngữ văn	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2018	Khá		Anh B	Cơ bản		Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi					
375	355	Phạm Thị Thùy Nhung	22/11/1996	Nữ	Kinh	Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	x	TCSP	Mầm non	TCSP MN Đăk Lăk	Chính quy	2018	Khá		Anh B	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					
376	386	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	05/04/1996	Nữ	Kinh	Quỳnh Phụ, Thái Bình	x	ĐHSP	Toán	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2019	Khá		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Hồng Đức					
377	591	Hoàng Thị Cẩm Nhung	13/08/1995	Nữ	Kinh	Kỳ Anh, Hà Tĩnh	x	TCSP	Mầm non	TCSP MN Đăk Lăk	Chính quy	2016	Khá		Anh A	Tin A		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					
378	643	Trần Thị Hồng Nhung	20/03/1987	Nữ	Kinh	Hương Khê, Hà Tĩnh	x	CNKH	Sinh học	ĐH Đà Lạt	Chính quy	2009	TB Khá	x	Anh B	Cơ bản	x	Sinh học	THPT Phan Chu Trinh					
379	665	Nguyễn Thị Yến Nhung	08/08/1987	Nữ	Kinh	Tam Đảo, Vĩnh Phúc	2006	Đại học	Anh ngữ	Đại học Bình Dương	Chính quy	2010	TB Khá	x	Hoa B	Tin A		Tiếng Anh	THPT Lê Hồng Phong					
380	701	Ví Thị Nhung	04/09/1995	Nữ	Nùng	Bắc Giang	2014	Cử nhân	SP Ngữ văn	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2019	Trung bình		Anh B	Cơ bản		Ngữ văn	THPT Ea Rók		DTTS			
381	248	Lương Thị Ái Ni	04/02/1994	Nữ	Kinh	Tư Nghĩa, Quảng Ngãi	x	ĐHSP	Ngữ văn	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2017	Khá		Anh B	Tin B		Ngữ văn	THPT Ea Rók					
382	371	Khổng Quang Ninh	27/09/1989	Nam	Kinh	Bình Lục, Hà Nam	x	ĐHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2018	Khá		Anh B	Cơ bản		Vật lí	THPT Ea Rók					
383	78	H' Nip Niê	18/03/1994	Nữ	Êđê	Krông Năng, Đăk Lăk	x	Đại học	Giáo dục Chính trị	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2016	Khá		Anh B	Tin A		GDCD	THPT Ea Rók		DTTS			
384	188	Tôn Văn Nói	10/03/1988	Nam	Nùng	Quảng Uyên, Cao Bằng	x	ĐHSP	GD Thể chất	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2013	Khá		Anh B	Tin A		Thể dục	THPT Phan Chu Trinh		DTTS			
385	541	Võ Thị Tố Nữ	12/09/1993	Nữ	Kinh	Thăng Bình, Quảng Nam	x	ĐHSP	Giáo dục quốc phòng - An ninh	ĐHSP Huế	Chính quy	2018	Khá		Anh B1	Tin B		GDQP-AN	THPT Nguyễn Thị Minh Khai					
386	330	H' Nuch Btô	07/09/1991	Nữ	Êđê	Cư Kuin, Đăk Lăk	x	ĐHSP	Địa lí	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2014	Khá		Anh B	Tin A		Địa lí	THPT Hùng Vương		DTTS			
387	412	Lý Thị Nương	18/08/1988	Nữ	Tày	Trùng Khánh, Cao Bằng	x	ĐHSP	Địa lí	ĐHSP TP. Hồ Chí Minh	Chính quy	2012	Khá		Anh B	SCN		Địa lí	THPT Buôn Đôn		DTTS			
388	29	Đỗ Kim Oanh	24/10/1993	Nữ	Kinh	Giao Thủy, Nam Định	x	ĐHSP	Tiếng Anh	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Khá		Pháp B	Tin B		Tiếng Anh	THPT Buôn Đôn					
389	37	Hồ Thị Phương Oanh	10/10/1992	Nữ	Kinh	Hội An, Quảng Nam	x	Đại học	Văn học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2014	Giỏi	x	Anh B	Tin B		Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo					
390	253	Phạm Thị Hoàng Oanh	17/01/1990	Nữ	Kinh	Cư Kuin, Đăk Lăk	x	Đại học	Toán	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2012	TB Khá	x	Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Nguyễn Văn Cừ					
391	431	Hà Thị Kiều Oanh	07/11/1993	Nữ	Kinh	Tiền Hải, Thái Bình	x	ĐHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Giỏi		Anh B	Cơ bản		Hóa học	THPT Phạm Văn Đồng					
392	455	Bùi Thị Oanh	30/01/1986	Nữ	Kinh	Lệ Thủy, Quảng Bình	x	CNSP	Giáo dục Chính trị	ĐHSP Huế	Chính quy	2010	Khá		Anh B	Tin A		GDCD	THPT Nguyễn Văn Cừ					
393	480	Nguyễn Thị Kiều Oanh	15/08/1994	Nữ	Kinh	Bình Sơn, Quảng Ngãi	x	CNSP	Toán học	ĐH Phú Yên	Chính quy	2016	Khá		Anh B	Tin A	x	Toán	THPT Ea Rók					

TT	Số HS	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Bằng THPT	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trường Đào tạo	Loại hình đào tạo	Năm tốt nghiệp	Tốt nghiệp loại	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thạc sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên			Ghi chú 1	Ghi chú 2
																				Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)		
394	652	Bùi Thị Kim Oanh	20/10/1996	Nữ	Kinh	Phù Cừ, Hưng Yên	2014	Đại học	Sư phạm Vật lí	Đại học Tây Nguyên	Chính quy	2019	Khá		Anh B	Cơ bản		Vật lí	THPT Nguyễn Thị Minh Khai					
395	712	Trần Thị Oanh	25/02/1993	Nữ	Kinh	Hải Dương	2011	Cử nhân	GD Chính trị	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Giỏi	x	Anh B	Tin B		GDCD	THPT Ea Súp					
396	373	Nguyễn Thanh Pháp	27/03/1989	Nam	Kinh	Thăng Bình, Quảng Nam	x	Đại học	Vật lí	ĐHSP-ĐH Đà Nẵng	Chính quy	2012	Khá	x	Anh B	Tin B	X	Vật lí	THPT Buôn Hồ					
397	264	H' Try Phen-Ktla	22/02/1995	Nữ	Êđê	Cư M'gar, Đắk Lắk	x	ĐHSP	Ngữ Văn	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2017	Khá		Anh B	Cơ bản		Ngữ văn	THPT Ea Rôk		DTTS			
398	229	Dương Hồng Phi	12/02/1987	Nam	Kinh	Tur Nghĩa, Quảng Ngãi	x	ĐHSP	Hóa học	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2010	TB Khá		Anh B	Tin B		Hóa học	THPT Ea Rôk					
399	278	Phạm Duy Phong	03/04/1993	Nam	Kinh	Bình Lục, Hà Nam	x	ĐHSP	Giáo dục quốc phòng - An ninh	ĐHSP Huế	Chính quy	2019	Khá		Anh B1	Tin A		GDQP-AN	THPT Võ Văn Kiệt					
400	612	Y Phong Phôk	10/05/1995	Nam	MNông	Lắk, Đắk Lắk	x	CNSP	Ngữ văn	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2017	Khá		Anh B	Cơ bản		Ngữ văn	THPT Lắk		DTTS			
401	670	Trần Thanh Phong	13/08/1987	Nam	Kinh	Triệu Phong, Quảng Trị	2005	Đại học	Sư phạm Toán học	Đại học Quy Nhơn	Chính quy	2010	Trung bình		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Ea Rôk					
402	227	Nguyễn Bá Phú	01/09/1993	Nam	Kinh	Hà Đông, Hà Nội	x	ĐHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Khá		Anh B	Tin B		Vật lí	THPT Ea Rôk					
403	315	Y Phú Ktla	12/09/1992	Nam	Êđê	Cư M'gar, Đắk Lắk	x	ĐHSP	Hóa học	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2017	Trung bình		Anh B	Cơ bản		Hóa học	THPT Nguyễn Huệ		DTTS			
404	577	Hoàng Văn Phung	12/09/1989	Nam	Nùng	Trùng Khánh, Cao Bằng	x	ĐHSP	Toán	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2013	Khá		Anh B	Tin A	X	Toán	THPT Ea Rôk		DTTS			
405	203	Hoàng Bích Phước	10/09/1995	Nữ	Kinh	Tp Kon Tum, Kon Tum	x	ĐHSP	Vật lí	ĐHSP Huế	Chính quy	2017	Khá		Anh B1	Tin B		Vật lí	THPT Ea Rôk					
406	673	Phạm Văn Phước	31/08/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2015	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế	Chính quy	2019	Giỏi		Pháp B1	Cơ bản		Tiếng Anh	THPT Nguyễn Tấn Thành					
407	141	Phan Thị Phương	03/09/1994	Nữ	Kinh	Yên Dũng, Bắc Giang	x	ĐHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2016	Khá		Anh B	Tin B		Hóa học	THPT Ea Rôk					
408	167	Nguyễn Thị Hoài Phương	06/10/1991	Nữ	Kinh	Kim Sơn, Ninh Bình	x	ĐHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2013	Khá		Anh B	Tin A		Vật lí	THPT Trần Phú					
409	194	Nguyễn Hoài Phương	22/11/1995	Nữ	Kinh	Tĩnh Gia, Thanh Hóa	x	ĐHSP	Toán	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2017	Giỏi		Anh C	Cơ bản	x	Toán	THPT Buôn Đôn					
410	196	Nguyễn Thị Minh Phương	14/07/1997	Nữ	Kinh	Trực Ninh, Nam Định	x	ĐHSP	Ngữ văn	ĐHSP-ĐH Đà Nẵng	Chính quy	2019	Giỏi		Anh B1	Cơ bản		Ngữ văn	THPT Ea Rôk					
411	206	Nguyễn Thị Phương	08/08/1992	Nữ	Kinh	Vũ Thư, Thái Bình	x	ĐHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Khá		Anh B	Tin B		Vật lí	THPT Trần Phú					
412	505	Hà Thị Nhã Phương	12/07/1988	Nữ	Thái	Quan Hóa, Thanh Hóa	x	ĐHSP	Ngữ Văn	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2011	Khá		Anh B	Cơ bản		Ngữ văn	THPT Ea Rôk		DTTS			
413	552	Lê Thị Uyên Phương	15/09/1994	Nữ	Kinh	Tur Nghĩa, Quảng Ngãi	x	ĐHSP	Vật lí	ĐH Tây nguyên	Chính quy	2016	Khá		Anh B	Tin B		Vật lí	THPT Trần Phú					
414	614	Nông Thị Phương	27/05/1995	Nữ	Tày	Na Ri, Bắc Cạn	x	CNSP	Toán học	ĐH Thái Nguyên	Chính quy	2018	Trung bình		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Trường Chinh		DTTS			
415	635	Nguyễn Trí Hoài Phương	20/09/1995	Nam	Kinh	Liên Chiểu, Đà Nẵng	x	Đại học	Giáo dục thể chất	ĐH TDTT Đà Nẵng	Chính quy	2018	Khá	x	Anh B	Cơ bản		Thể dục	THPT Nguyễn Huệ					
416	654	Nguyễn Thị Thảo Phương	21/08/1997	Nữ	Kinh	Nam Đàn, Nghệ An	2015	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học Tây Nguyên	Chính quy	2019	Khá		Pháp B	Cơ bản		Tiếng Anh	THPT Nguyễn Thái Bình					
417	704	Nguyễn Thị Thanh Phương	26/04/1994	Nữ	Kinh	Quảng Nam	THCS	Trung cấp	SPMN	Trung cấp Đam San	Chính quy	2016	Giỏi		Anh B1	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng	Nhiệm chất độc 81%			Bổ sung giấy xác nhận ưu tiên	Kèm Phụ lục 3
418	82	Nguyễn Thị Bích Phương	27/05/1990	Nữ	Kinh	Thăng Bình, Quảng Nam	x	Đại học	Sinh học	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2012	TB Khá	x	Anh B	Tin B		Sinh học	THPT Ea Rôk					

TT	Số HS	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Bằng THPT	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trường Đào tạo	Loại hình đào tạo	Năm tốt nghiệp	Tốt nghiệp loại	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thạc sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên			Ghi chú 1	Ghi chú 2
																				Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)		
419	125	Phạm Thị Phương	02/10/1987	Nữ	Kinh	Quảng Xương, Thanh Hóa	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2011	Khá		Anh B	Cơ bản		Vật lí	THPT Việt Đức				Chứng chỉ ngoại ngữ không hợp lệ	Kèm Phụ lục 2
420	476	Văn Thị Phương	24/01/1996	Nữ	Kinh	Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	x	CNSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2018	Khá		Anh B	Cơ bản		Vật lí	THPT Buôn Hồ					
421	742	Nguyễn Vy Phương	20/12/1997	Nữ	Kinh	Thừa Thiên Huế	2015	Cử nhân	SP Toán	ĐH Vinh	Chính quy	2020	Khá		Anh B1	Cơ bản		Toán	THPT Nguyễn Văn Cừ					
422	689	Nguyễn Thị Quế	02/10/1997	Nữ	Kinh	Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	2015	Đại học	Giáo dục Mầm non	Đại học SP TP. Hồ Chí Minh	Vừa làm vừa học	2020	Khá		Anh B	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					
423	448	Trần Văn Quốc	20/01/1995	Nam	Kinh	Phù Mỹ, Bình Định	x	DHSP	Vật lí	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2017	Khá		Anh B	Tin B		Vật lí	THPT Ea Súp					
424	359	Trịnh Thị Hồng Quy	19/05/1996	Nữ	Kinh	Sông Hình, Phú Yên	x	DHSP	Toán	ĐH Phú Yên	Chính quy	2018	Khá		Anh B	Tin B		Toán	THPT Ea Rók					
425	616	Phan Thị Quý	24/01/1994	Nữ	Kinh	Nam Đàn, Nghệ An	x	CNSP	Toán học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2016	Khá		Anh B	Tin B		Toán	THPT Nguyễn Văn Cừ					
426	702	Trần Thị Quý	26/09/1993	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	2011	Cử nhân	SP Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Giỏi		Anh B	Tin B		Vật lí	THPT Nguyễn Chí Thanh					
427	739	Hồ Thị Thanh Quý	20/03/1993	Nữ	Kinh	Thừa Thiên Huế	2011	Cử nhân	SP Lịch sử	ĐHSP-ĐH Huế	Chính quy	2016	Khá		Anh B	Tin B		Lịch sử	THPT Ea Súp					
428	745	Vương Phú Quý	27/02/1995	Nam	Kinh	Bình Định	2013	Cử nhân	SP Toán	ĐHSP TP HCM	Chính quy	2017	Giỏi		Anh B	Tin B		Toán	THPT Nguyễn Văn Cừ					
429	168	Cù Thị Quyên	20/06/1990	Nữ	Kinh	Lộc Hà, Hà Tĩnh	x	DHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2012	Khá		Anh B	Tin A	X	Hóa học	THPT Phạm Văn Đồng					
430	411	Nguyễn Thị Lệ Quyên	05/10/1988	Nữ	Kinh	Đức Thọ, Hà Tĩnh	x	Đại học	Lịch sử	ĐH Đà Lạt	Chính quy	2010	Khá	x	Anh B	Tin B	x	Lịch sử	THPT Ea Súp					
431	715	Đoàn Thị Như Quỳnh	15/02/1998	Nữ	Kinh	Nghệ An	2016	Đại học	SP Toán	Phân hiệu ĐH Đà Nẵng tại Kon Tum	Chính quy	2020	Khá		Anh A2	Cơ bản		Toán	THPT Ea Rók		Con TB			
432	121	Nguyễn Thị Kim Sa	10/11/1991	Nữ	Kinh	Thăng Bình, Quảng Nam	x	DHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2013	Khá		Anh B	Tin A		Hóa học	THPT Trần Phú					
433	302	Đoàn Lê Chi Sa	03/01/1995	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	x	DHSP	Tiếng Anh	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2017	Khá		Trung B	Tin B		Tiếng Anh	THPT Nguyễn Bình Khiêm					
434	463	Lê Thị Mai Sa	29/07/1985	Nữ	Mường	Ngọc Lặc, Thanh Hóa	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2008	TB Khá		Anh B1	Cơ bản	x	Vật lí	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		DTTS			
435	321	Nguyễn Thị Xuân San	12/05/1993	Nữ	Kinh	Hương Khê, Hà Tĩnh	x	Cử nhân	Sinh học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Khá	x	Anh B	Tin B	x	Sinh học	THPT Nguyễn Tất Thành					
436	530	Hồ Thị Bích Sang	17/06/1994	Nữ	Kinh	An Lão, Bình Định	x	DHSP	Tiếng Anh	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2018	Trung bình		Pháp B	Tin B		Tiếng Anh	THPT Cu M'gar					
437	93	Nguyễn Quang Sáng	11/12/1991	Nam	Kinh	Hương Sơn, Hà Tĩnh	x	Đại học	Giáo dục thể chất	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2014	Khá		Anh B	Tin B		Thể dục	THPT Nguyễn Huệ				Chứng chỉ tin học không hợp lệ	Kèm Phụ lục 2
438	557	Phạm Đình Sanh	10/02/1989	Nam	Kinh	Bình Sơn, Quảng Ngãi	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây nguyên	Chính quy	2013	Khá		Anh B	Tin B	X	Vật lí	THPT Ea Súp					
439	554	Trần Thị Sáu	15/05/1992	Nữ	Kinh	Vũ Thư, Thái Bình	x	Đại học	Văn học	ĐH Đà Lạt	Chính quy	2014	Khá	x	Anh B	Cơ bản		Ngữ văn	THPT Ea Rók					
440	60	Y - Sen Miô	10/02/1989	Nam	Êđê	Krông Năng, Đắk Lắk	x	DHSP	Vật lí	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2016	Trung bình		Anh B	Tin A		Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo		DTTS			
441	520	Trịnh Thị Hương Sen	20/01/1991	Nữ	Kinh	Vinh Lộc, Thanh Hóa	x	Đại học	Giáo dục thể chất	ĐH Thể dục thể thao Đà Nẵng	Chính quy	2013	TB Khá	x	Anh B	Tin B		Thể dục	THPT Buôn Đôn					
442	596	Lò Thị Sen	12/03/1996	Nữ	Thái	Bá Thước, Thanh hóa	x	Đại học	GD Chính trị	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2018	Khá	x	Anh B1	Cơ bản		GDGD	THPT Ea Rók		DTTS			
443	366	Nguyễn Thị Sinh	08/07/1987	Nữ	Kinh	Thái Thụy, Thái Bình	x	DHSP	GD Thể chất	ĐH Quy Nhơn	VLVH	2011	Giỏi		Anh B	Cơ bản		Thể dục	THPT Lắc					

TT	Số HS	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Bằng THPT	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trường Đào tạo	Loại hình đào tạo	Năm tốt nghiệp	Tốt nghiệp loại	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thạc sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên			Ghi chú 1	Ghi chú 2
																				Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)		
444	287	Bùi Công Sơn	05/01/1989	Nam	Kinh	Quỳnh Phụ, Thái Bình	x	DHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Giỏi		Anh B1	Đại học	x	Hóa học	THPT Việt Đức					
445	338	Đoàn Ngọc Sơn	16/02/1993	Nam	Kinh	Quỳnh Phụ, Thái Bình	x	DHSP	Sinh học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Khá		Anh B	Tin A		Sinh học	THPT Nguyễn Tất Thành					
446	502	Lê Trung Sơn	23/02/1986	Nam	Kinh	Thanh Liêm, Hà Nam	x	DHSP	Toán	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2011	TB Khá		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Nguyễn Chí Thanh					
447	644	Đỗ Thị Song	30/06/1995	Nữ	Kinh	Hoài Nhơn, Bình Định	x	Cao đẳng	Giáo dục đặc biệt	CĐSP TW HCM	Chính quy	2016	Khá		Anh B	Cơ bản		GD đặc biệt	TT Hỗ trợ PTGDHN Trẻ khuyết tật					
448	166	Trần Việt Sự	09/03/1991	Nam	Kinh	Tam Kỳ, Quảng Nam	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2013	Khá		Anh B	Cơ bản		Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo					
449	24	Nguyễn Thị Thanh Tâm	18/04/1991	Nữ	Kinh	Kiến Xương, Thái Bình	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2014	Giỏi		Anh B	Tin B		Vật lí	THPT Buôn Hồ					
450	89	Võ Thanh Tâm	01/12/1991	Nam	Kinh	Phù Cát, Bình Định	x	DHSP	Toán	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2013	Khá		Anh B	Tin B	x	Toán	THPT Hồng Đức					
451	145	Bùi Thị Tâm	23/07/1990	Nữ	Kinh	Quỳnh Lưu, Nghệ An	x	Đại học	Ngữ văn	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2012	Khá	x	Anh B	Tin B		Ngữ văn	THPT Phạm Văn Đồng					
452	567	Trần Minh Tâm	14/01/1996	Nữ	Kinh	Diễn Châu, Nghệ An	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây nguyên	Chính quy	2018	Khá		Anh B	Tin A		Vật lí	THPT Việt Đức					
453	690	Phạm Thị Thanh Tâm	27/05/1998	Nữ	Kinh	Nga Sơn, Thanh Hoá	2016	Đại học	Sư phạm Hoá học	Đại học Vinh	Chính quy	2020	Khá		Anh B1 (Bậc 3)	Cơ bản		Hóa học	THPT Trần Phú					
454	738	Ngô Thị Tâm	17/05/1992	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	2010	Cử nhân	SP Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2014	Giỏi		Anh B	Cơ bản		Hóa học	THPT Nguyễn Văn Cừ					
455	406	Lê Thị Tân	18/11/1992	Nữ	Kinh	Hoàng Hóa, Thanh Hóa	x	DHSP	Toán	ĐHSP Huế	Chính quy	2015	Khá		Anh B1	Tin B	x	Toán	THPT Võ Văn Kiệt					
456	481	Phan Hồng Tấn	09/09/1989	Nam	Kinh	Phù Mỹ, Bình Định	x	CNSP	Vật lí	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2014	Khá		Anh B	Tin A		Vật lí	THPT Phan Chu Trinh					
457	314	Mô Táo	19/01/1992	Nữ	Vân Kiều	Hương Hóa, Quảng Trị	x	DHSP	Ngữ văn	ĐHSP HCM	Chính quy	2015	Khá		Anh B	Tin B		Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo		DTTS			
458	410	Lương Thị Thắm	26/12/1990	Nữ	Nùng	Hạ Lang, Cao Bằng	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2012	Khá		Anh B	Tin B		Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo		DTTS			
459	240	Nguyễn Quyết Thắng	31/08/1990	Nam	Kinh	Tam Kỳ, Quảng Nam	x	Đại học	Toán học	ĐH Đà Lạt	Chính quy	2012	Khá	x	Anh B	Tin B	x	Toán-Tin	THPT Nguyễn Thị Minh Khai					
460	289	Nguyễn Thành Thắng	10/02/1996	Nam	Kinh	Thăng Bình, Quảng Nam	x	Đại học	Huấn luyện thể thao	ĐH Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh	Chính quy	2018	Khá		Anh B	Cơ bản		Thể dục	THPT Buôn Ma Thuột					
461	434	Đào Kông Thắng	24/01/1991	Nam	Kinh	Đồng Hưng, Thái Bình	x	Đại học	Giáo dục thể chất	ĐH Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh	Chính quy	2013	Khá	x	Anh B	Cơ bản		Thể dục	THPT Nguyễn Huệ					
462	523	Trịnh Việt Thắng	03/09/1987	Nam	Kinh	Vũ Thư, Thái Bình	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2011	Khá		Anh B	Tin A		Vật lí	THPT Trần Phú					
463	744	Lê Anh Thắng	15/09/1992	Nam	Kinh	Hà Tĩnh	2010	Cử nhân	GDTC	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Giỏi		Anh B	Tin B		Thể dục	THPT Nguyễn Huệ					
464	164	Bùi An Thanh	26/07/1993	Nữ	Kinh	Kiến Xương, Thái Bình	x	DHSP	Tiếng Anh	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Khá		Pháp B	Tin B		Tiếng Anh	THPT Nguyễn Bình Khiêm					
465	217	Hoàng Thị Thanh	10/08/1993	Nữ	Kinh	Hà Nội	x	DHSP	Tiếng Anh	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Khá		Pháp B	Cơ bản		Tiếng Anh	THPT Lắc					
466	306	Phan Thị Thanh Thanh	20/02/2000	Nữ	Kinh	Nghi Xuân, Hà Tĩnh	THCS	TCSP	Mầm non	TCSP Mầm non Đăk Lăk	Chính quy	2018	Giỏi		Anh B	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					
467	532	Phùng Minh Huy Thanh	05/10/1992	Nam	Kinh	Sơn Hòa, Phú Yên	x	Đại học	Hóa học	ĐHSP Đà Nẵng	Chính quy	2014	Khá	x	Anh B	Tin B		Hóa học	THPT Ea Rôk					
468	526	Hoàng Văn Thánh	05/06/1986	Nam	Tày	Trùng Khánh, Cao Bằng	x	DHSP	Toán	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2011	TB Khá		Anh B	Cơ bản	x	Toán	THPT Tôn Đức Thắng		DTTS		Bổ sung chứng chỉ tin học (chỉ có GXN)	Kèm Phụ lục 3

TT	Số HS	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Bằng THPT	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trường Đào tạo	Loại hình đào tạo	Năm tốt nghiệp	Tốt nghiệp loại	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thạc sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên			Ghi chú 1	Ghi chú 2
																				Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)		
469	477	Trần Thị Minh Thành	28/09/1989	Nữ	Kinh	Nam Đàn, Nghệ An	x	CNSP	Địa lí	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2013	Khá		Anh B	Tin A		Địa lí	THPT Trần Quang Khải					
470	574	Vũ Đình Thành	08/01/1987	Nam	Kinh	Quyển Phụ, Thái Bình	x	ĐHSP	GD Thể chất	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2012	Khá		Anh B	Cơ bản	X	Thể dục	THPT Trần Phú					
471	54	Đình Văn Thạnh	12/05/1989	Nam	Kinh	Phù Cát, Bình Định	x	ĐHSP	Giáo dục thể chất	ĐHSP TTDĐT TP. Hồ Chí Minh	Chính quy	2011	Khá		Anh B	Cơ bản		Thể dục	THPT Lê Hồng Phong					
472	737	Đình Thị Kim Thao	31/05/1993	Nữ	Kinh	Quảng Bình	2011	Cử nhân	SP Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Giỏi		Anh B	Tin B		Vật lí	THPT Ea Rôk					
473	63	Trần Thị Phương Thảo	21/09/1996	Nữ	Kinh	Nghi Xuân, Hà Tĩnh	x	ĐHSP	Toán	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2018	Khá		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Ea Rôk					
474	184	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	05/07/1991	Nữ	Kinh	Thăng Bình, Quảng Nam	x	ĐHSP	Sinh học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2014	Giỏi		Anh B	Tin B		Sinh học	THPT Ea Rôk					
475	215	Lê Thị Thu Thảo	01/09/1989	Nữ	Kinh	Thăng Bình, Quảng Nam	x	ĐHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2012	TB Khá		Anh B	Cơ bản		Vật lí	THPT Buôn Hồ					
476	340	Nguyễn Thị Phương Thảo	21/02/1994	Nữ	Kinh	Nông Công, Thanh Hóa	x	ĐHSP	Hóa học	ĐHSP Huế	Chính quy	2016	Khá		Anh C	Tin B		Hóa học	THPT Nguyễn Huệ					
477	357	Hoàng Hương Thảo	19/01/1995	Nữ	Kinh	Phong Điền, Thừa Thiên Huế	x	ĐHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2018	Khá		Anh B	Cơ bản		Hóa học	THPT Ea Rôk					
478	503	Trần Thị Thanh Thảo	01/02/1987	Nữ	Kinh	Tây Sơn, Bình Định	x	ĐHSP	Địa lí	ĐHSP TP. Hồ Chí Minh	Chính quy	2010	TB Khá	x	Anh B1	Cơ bản	x	Địa lí	THPT Hùng Vương					
479	573	Trịnh Đông Thảo	02/01/1997	Nữ	Kinh	Tuy Phước, Bình Định	x	ĐHSP	Ngữ văn	ĐHSP Huế	Chính quy	2019	Giỏi		Anh B1	Cơ bản		Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi					
480	609	Lê Thị Dạ Thảo	01/06/1987	Nữ	Kinh	TP Huế	x	ĐHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2010	Khá		Anh B	Tin B	x	Vật lí	THPT Buôn Hồ					
481	618	Tăng Thị Thu Thảo	23/07/1997	Nữ	Kinh	Duy Xuyên, Quảng Nam	x	CNSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2019	Khá		Anh B	Cơ bản		Hóa học	THPT Phạm Văn Đồng					
482	681	Nguyễn Thị Kim Thảo	10/02/1988	Nữ	Kinh	Triệu Phong, Quảng Trị	2006	Đại học	Sư phạm Toán học	Đại học Quy Nhơn	Chính quy	2011	Khá		Anh B	Tin B	Toán học	Toán	THPT Võ Văn Kiệt					
483	736	Lê Thị Thảo	10/06/1997	Nữ	Kinh	Bình Định	2016	Cử nhân	SP Hóa học	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2020	Giỏi		Anh B1	Cơ bản		Hóa học	THPT Nguyễn Văn Cừ					
484	4	Phan Thị Kim Thi	20/09/1995	Nữ	Kinh	Phú Vang, Huế	x	ĐHSP	Vật lí	ĐHSP Huế	Chính quy	2017	Khá		Anh B1	Tin B		Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo					
485	174	Lương Thị Mai Thi	15/04/1992	Nữ	Nùng	Quảng Hòa, Cao Bằng	x	ĐHSP	Địa lí	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2015	Khá		Anh B	Tin A		Địa lí	THPT Trần Quang Khải		DTTS			
486	488	Võ Thị Thi	10/07/1997	Nữ	Kinh	Tam Kỳ, Quảng Nam	THCS	TCSP	Mầm non	TCSP Mầm non Đăk Lăk	Chính quy	2018	Khá		Anh B	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng				Bổ sung chứng chỉ tin học	Kèm Phụ lục 3
487	247	Võ Hoàn Thiện	03/03/1996	Nữ	Kinh	Can Lộc, Hà Tĩnh	x	ĐHSP	Toán học	ĐHSP Huế	Chính quy	2018	Khá		Anh C	Cơ bản		Toán	THPT Hồng Đức					
488	286	Nguyễn Văn Thiện	19/01/1988	Nam	Tày	Phục Hòa, Cao Bằng	x	ĐHSP	Toán	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2011	TB Khá		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Ea Rôk		DTTS			
489	204	H' Thoa Knul	26/03/1993	Nữ	Êđê	Krông Pắc, Đăk Lăk	x	ĐHSP	Ngữ văn	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2017	Khá		Anh B	Tin B		Ngữ văn	THPT Ea Rôk		DTTS			
490	74	Dương Anh Thu	05/12/1993	Nữ	Kinh	Lập Thạch, Vĩnh Phúc	x	ĐHSP	Hóa học	ĐHSP Hà Nội	Chính quy	2015	Giỏi		Anh B1	Cơ bản	x	Hóa học	THPT Ea Rôk					
491	358	Lê Thị Thu	10/10/1994	Nữ	Kinh	Yên Khánh, Ninh Bình	x	ĐHSP	Sinh học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2017	Khá		Anh B	Tin B		Sinh học	THPT Ea Rôk					
492	713	Lưu Thị Lệ Thu	04/01/1998	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	2016	Cử nhân	SP Toán	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2020	Khá		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Võ Văn Kiệt				Bổ sung chứng chỉ tin học (chỉ có GXN)	Kèm Phụ lục 3
493	368	Phan Thị Anh Thư	26/03/1990	Nữ	Kinh	Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	x	ĐHSP	Tiếng Anh	ĐH Phú Yên	VLVH	2019	Khá		Pháp B	Tin B		Tiếng Anh	THPT Nguyễn Thị Minh Khai					

TT	Số HS	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Bằng THPT	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trường Đào tạo	Loại hình đào tạo	Năm tốt nghiệp	Tốt nghiệp loại	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thạc sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên			Ghi chú 1	Ghi chú 2
																				Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)		
494	450	Cao Thị Minh Thư	05/04/1996	Nữ	Kinh	Thăng Bình, Quảng Nam	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2019	Giỏi		Anh B	Cơ bản		Vật lí	THPT Việt Đức					
495	564	Nguyễn Thị Anh Thư	03/02/1996	Nữ	Kinh	Ý Yên, Nam Định	x	DHSP	Hóa học	ĐH Tây nguyên	Chính quy	2018	Trung bình		Anh B	Cơ bản		Hóa học	THPT Trần Phú					
496	695	Nguyễn Ngọc Bích Thư	02/03/1998	Nữ	Kinh	Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	2016	Đại học	Sư phạm Vật lí	Đại học SP TP. Hồ Chí Minh	Chính quy	2020	Giỏi		IELTS 6.5	Cơ bản		Vật lí	THPT Buôn Hồ					
497	40	Trần Văn Thuận	10/07/1992	Nam	Kinh	Quỳnh Phu, Thái Bình	x	DHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Giỏi		Anh B	Tin A		Hóa học	THPT Ea Rôk					
498	173	Nguyễn Văn Thuận	14/08/1989	Nam	Kinh	Thăng Bình, Quảng Nam	x	DHSP	GD Thể chất	ĐHSP TĐTT TP HCM	Chính quy	2011	Khá		Anh B	Cơ bản		Thể dục	THPT Phan Chu Trinh					
499	226	Trần Thị Thuật	06/10/1989	Nữ	Kinh	Thăng Bình, Quảng Nam	x	DHSP	Ngữ văn	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2013	Khá		Anh B	Tin B		Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi					
500	385	Lưu Văn Thục	07/07/1991	Nam	Nùng	Trùng Khánh, Cao Bằng	x	DHSP	Toán	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2018	Khá		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Ea Rôk		DTTS			
501	413	Nguyễn Thị Thuở	20/06/1995	Nữ	Kinh	Tuy Phước, Bình Định	x	DHSP	Sinh học	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2017	Khá		Anh B	Tin B		Sinh học	THPT Ea Súp					
502	34	Trần Thị Thương	20/10/1996	Nữ	Kinh	Tuyên Hóa, Quảng Bình	x	DHSP	Địa lí	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2019	Khá		Anh C	Tin B		Địa lí	THPT Trần Quang Khải					
503	176	Hà Thị Minh Thương	02/09/1988	Nữ	Tày	Hà Quảng, Cao Bằng	THCS	Đại học	Giáo dục mầm non	ĐHSP Đà Nẵng	VLVH	2019	Giỏi		Anh B	Tin A		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng		DTTS			
504	258	Nguyễn Thị Hoài Thương	25/08/1997	Nữ	Kinh	Tuy Phước, Bình Định	x	DHSP	Địa lí	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2019	Giỏi		Anh B	Cơ bản		Địa lí	THPT Buôn Đôn					
505	312	Phạm Hoàng Thương	22/01/1992	Nữ	Kinh	Hòa Vang, Đà Nẵng	x	DHSP	Giáo dục thể chất	ĐHSP TĐTT HCM	Chính quy	2014	Giỏi		Anh B	Tin B		Thể dục	THPT Buôn Đôn					
506	344	Lê Thị Hà Thương	03/02/1992	Nữ	Kinh	Thọ Xuân, Thanh Hóa	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2016	Trung bình		Anh B	Tin B		Vật lí	THPT Phan Đình Phùng					
507	531	Ngô Thị Hoài Thương	15/07/1995	Nữ	Kinh	Phù Cát, Bình Định	x	Đại học	Ngôn ngữ Anh	ĐH Tôn Đức Thắng	Chính quy	2017	Khá	x	Pháp B	Cơ bản		Tiếng Anh	THPT Nguyễn Thái Bình					
508	705	Nông Thị Thương	06/01/1998	Nữ	Tày	Lạng Sơn	2016	Cử nhân	SP Lịch sử	ĐHSP-ĐH Huế	Chính quy	2020	Giỏi		Anh B1	Cơ bản		Lịch sử	THPT Nguyễn Văn Cừ		DTTS			
509	95	Trần Thị Thương	08/12/1992	Nữ	Kinh	Hương Khê, Hà Tĩnh	x	DHSP	Hóa học	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2014	Khá		Anh B	Cơ bản		Hóa học	THPT Phạm Văn Đồng					
510	650	Phan Thị Thu Thủy	19/06/1991	Nữ	Kinh	Thăng Bình, Quảng Nam	2008	Đại học	Hoá học	Đại học Quy Nhơn	Chính quy	2013	Khá	x	Anh B	Tin B		Hóa học	THPT Nguyễn Bình Khiêm					
511	684	Lê Thị Ngọc Thủy	19/01/1991	Nữ	Kinh	Hương Khê, Hà Tĩnh	2009	Đại học	Sư phạm Vật lí	Đại học Quy Nhơn	Chính quy	2013	TB Khá		Anh B	Tin A	Lí luận và	Vật lí	THPT Trần Phú					
512	313	Lê Thị Cẩm Thủy	18/09/1997	Nữ	Kinh	Nam Đàn, Nghệ An	x	DHSP	Toán học	ĐHSP Huế	Chính quy	2019	Khá		Anh B1	Cơ bản		Toán	THPT Trường Chinh					
513	393	Nguyễn Thị Thủy	25/12/1990	Nữ	Kinh	Đức Phổ, Quảng Ngãi	x	DHSP	Ngữ văn	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2013	Khá		Anh B	Tin A		Ngữ văn	THPT Lắc					
514	587	Lê Thị Thanh Thủy	16/10/1996	Nữ	Kinh	Bình Sơn, Quảng Ngãi	x	DHSP	Hóa học	ĐHSP Huế	Chính quy	2018	Giỏi		Anh B1	Tin B		Hóa học	THPT Nguyễn Huệ					
515	636	Nguyễn Ngọc Thủy	10/10/1988	Nữ	Kinh	Diễn Châu, Nghệ An	x	Cử nhân	Hóa học	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2010	TB Khá	x	Anh B	Tin B		Hóa học	THPT Nguyễn Chí Thanh					
516	721	Hồ Thị Thanh Thủy	09/03/1998	Nữ	Kinh	Bình Định	2016	Đại học	SP Toán	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2020	Khá		Anh B2	Cơ bản		Toán	THPT Buôn Đôn					
517	724	Trần Thị Phương Thủy	26/06/1991	Nữ	Kinh	Nghệ An	2009	Cử nhân	SP Địa lí	ĐH Sài Gòn	Chính quy	2014	Khá		Anh B	Tin A		Địa lí	THPT Krông Bông					
518	35	Nguyễn Thủy Minh Thùy	25/08/1997	Nữ	Kinh	Tân Kỳ, Nghệ An	x	DHSP	Hóa học	ĐH Vinh	Chính quy	2019	Giỏi		Anh B1	Cơ bản		Hóa học	THPT Ea Rôk					

TT	Số HS	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Bằng THPT	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trường Đào tạo	Loại hình đào tạo	Năm tốt nghiệp	Tốt nghiệp loại	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thạc sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên			Ghi chú 1	Ghi chú 2
																				Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)		
519	83	Võ Thị Thanh Thùy	01/05/1991	Nữ	Kinh	Phù Cát, Bình Định	x	DHSP	Hóa học	ĐHSP TP. Hồ Chí Minh	Chính quy	2013	TB Khá		Anh B	Tin A		Hóa học	THPT Lắc					
520	443	Lê Minh Thùy	04/04/1993	Nữ	Mường	Hải Lăng, Quảng Trị	x	DHSP	Tiếng Anh	ĐH Sài Gòn	Chính quy	2015	Khá		Hoa B	Tin A		Tiếng Anh	THPT Trần Hưng Đạo		DTTS			
521	451	Thái Bé Thùy	12/12/1993	Nữ	Kinh	Hưng Nguyên, Nghệ An	x	DHSP	Sinh học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Khá		Anh B	Tin B		Sinh học	THPT Võ Văn Kiệt					
522	487	Nguyễn Thanh Thùy	18/02/1997	Nữ	Kinh	Đông Sơn, Thanh Hóa	x	CNSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2019	Khá		Anh B	Cơ bản		Hóa học	THPT Ea Rôk				Bổ sung chứng chỉ Anh B (chỉ có GXN)	Kèm Phụ lục 3
523	496	Phạm Thị Thùy	22/12/1991	Nữ	Kinh	Hà Trung, Thanh Hóa	x	CNSP	Lịch sử	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2013	Khá		Anh B	Tin B		Lịch sử	THPT Võ Văn Kiệt		Con BB			
524	639	Nguyễn Thị Kim Thùy	14/08/1985	Nữ	Kinh	Điện Bàn, Quảng Nam	x	CNSP	Toán học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2009	TB Khá		Anh A	Tin A	x	Toán	THPT Hồng Đức				Chứng chỉ ngoại ngữ không hợp lệ	Kèm Phụ lục 2
525	12	Nguyễn Thị Thu Thùy	03/07/1989	Nữ	Kinh	Triệu Sơn, Thanh Hóa	x	DHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2011	Khá		Anh B	Cơ bản	x	Hóa học	THPT Nguyễn Chí Thanh					
526	102	Nguyễn Thị Thùy	05/08/1989	Nữ	Kinh	Cẩm Giang, Hải Dương	x	DHSP	Tiếng Anh	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2013	Khá		Pháp B	Tin B		Tiếng Anh	THPT Nguyễn Thái Bình					
527	114	Nguyễn Thị Thùy	20/03/1994	Nữ	Kinh	Mô Cày, Bến Tre	x	TCSP	Mầm non	TC Bách Nghệ Thanh Hóa	Chính quy	2015	TB Khá		Anh B	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					
528	138	Hà Thị Thu Thùy	18/07/1989	Nữ	Tày	Sơn Động, Bắc Giang	x	Đại học	Tiếng Anh	ĐH Công nghiệp TP HCM	Chính quy	2011	Khá	x	Hoa B	Tin B		Tiếng Anh	THPT Ea Rôk		DTTS			
529	256	Triệu Thị Như Thùy	06/02/1996	Nữ	Dao	Hoành Bồ, Quảng Ninh	x	TCSP	Mầm non	Trung cấp SP MN Đắc Lắc	Chính quy	2018	Giỏi		Anh A	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng		DTTS			
530	320	Phạm Thị Thùy	25/11/1987	Nữ	Kinh	Phù Cát, Bình Định	x	DHSP	Ngữ văn	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2010	Khá		Anh B	Tin A		Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Cừ					
531	415	Tăng Thị Hồng Thùy	15/03/1994	Nữ	Kinh	Phù Cát, Bình Định	x	Đại học	Vật lí	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2016	Trung bình	x	Anh B	Tin A		Vật lí	THPT Ea Rôk					
532	623	Nguyễn Lê Hồng Thùy	25/01/1990	Nữ	Kinh	Bồ Trạch, Quảng Bình	x	DHSP	Vật lí	ĐHSP Huế	Chính quy	2012	Khá		Anh B	Tin A	x	Vật lí	THPT Trần Phú					
533	630	H' Thùy KMăn	25/07/1992	Nữ	Êđê	Lắk, Đắc Lắc	x	CNSP	Địa lí	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2015	Khá		Anh B	Tin B		Địa lí	THPT Nguyễn Tất Thành		DTTS			
534	104	Hoàng Thị Tiêm	20/10/1989	Nữ	Kinh	Phước Thọ, Hà Nội	x	DHSP	Toán	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2011	TB Khá		Anh B	Tin A		Toán	THPT Lê Hồng Phong					
535	90	Nguyễn Khả Tiến	13/10/1994	Nam	Kinh	Ứng Hòa, Hà Nội	x	DHSP	Toán	ĐH Phú Yên	Chính quy	2016	Khá		Anh B	Tin B	x	Toán	THPT Lê Hồng Phong					
536	384	Võ Minh Tiến	14/02/1982	Nam	Kinh	Thăng Bình, Quảng Nam	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2008	TB Khá		Anh B	Cơ bản	X	Vật lí	THPT Nguyễn Minh Khai				Bổ sung chứng chỉ ngoại ngữ (chỉ có GXN)	Kèm Phụ lục 3
537	519	Sô Y Tiễn	10/03/1992	Nam	Bana	Văn Canh, Bình Định	x	DHSP	Địa lí	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2015	Khá		Anh B	Tin B		Địa lí	THPT Krông Bông		DTTS			
538	666	Đặng Thị Tiễn	03/06/1989	Nữ	Kinh	Tây Hoà, Phú Yên	2007	Đại học	Tin học	Đại học Quy Nhơn	Chính quy	2011	TB Khá	x	Anh B	Đại học		Tin học	THPT Phan Chu Trinh					
539	464	Phan Thành Tính	30/07/1987	Nam	Kinh	Krông Bông, Đắc Lắc	x	Cử nhân	Thế dục	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2011	Khá		Anh B	Tin B		Thế dục	THPT Nguyễn Chí Thanh					
540	661	Đào Thị Thanh Tinh	19/04/1989	Nữ	Kinh	Đức Thọ, Hà Tĩnh	2007	Đại học	Sư phạm Toán học	Đại học Quy Nhơn	Chính quy	2012	TB Khá		Anh B	Tin A		Toán	THPT Lê Hồng Phong					
541	746	Lã Thị Tinh	20/12/1990	Nữ	Tày	Bắc Kan	2008	Cử nhân	SP Lịch sử	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2012	Khá		Anh B	Tin A		Lịch sử	THPT Nguyễn Bình Khiêm		DTTS			
542	249	Adrong H' Tô	01/05/1996	Nữ	Êđê	Ea H'leo, Đắc Lắc	x	DHSP	Tiếng Anh	ĐH Ngoại ngữ Huế	Chính quy	2018	Khá		Trung B1	Cơ bản		Tiếng Anh	THPT Trường Chinh		DTTS			
543	284	Trần Đình Toàn	06/07/1994	Nam	Kinh	Núi Thành, Quảng Nam	x	Đại học	Huấn luyện thể thao	ĐH Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh	Chính quy	2016	Trung bình	x	Anh B	Cơ bản		Thế dục	THPT Buôn Đôn					

TT	Số HS	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Bằng THPT	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trường Đào tạo	Loại hình đào tạo	Năm tốt nghiệp	Tốt nghiệp loại	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thạc sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên			Ghi chú 1	Ghi chú 2
																				Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)		
544	353	Lê Phước Toàn	21/06/1993	Nam	Kinh	Phù Vang, Thừa Thiên Huế	x	DHSP	GD Thể chất	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Khá		Anh B	Tin B		Thẻ dực	THPT Buôn Đôn					
545	77	Nguyễn Hữu Toàn	12/06/1987	Nam	Kinh	Phù Vang, Thừa Thiên Huế	x	DHSP	Vật lí	ĐHSP TP. Hồ Chí Minh	Chính quy	2011	Khá		Anh B	Cơ bản		Vật lí	THPT Việt Đức					
546	255	Trương Thị Anh Trâm	08/06/1996	Nữ	Kinh	Mộ Đức, Quảng Ngãi	x	DHSP	Sinh học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2018	Khá		Anh B	Cơ bản		Sinh học	THPT Tôn Đức Thắng					
547	447	Nguyễn Thị Thùy Trâm	19/07/1993	Nữ	Kinh	Phù Vang, Thừa Thiên Huế	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Giỏi		Anh B	Tin B	x	Vật lí	THPT Trần Phú					
548	303	Nguyễn Thị Trâm	12/09/1991	Nữ	Kinh	Yên Thành, Nghệ An	x	TCSP	Mầm non	TCSP Mầm non Đắk Lắk	Chính quy	2015	Khá		Anh B	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					
549	64	Nguyễn Thị Trang	04/01/1995	Nữ	Kinh	Anh Sơn, Nghệ An	x	Cử nhân	Giáo dục mầm non	DHSP Đà Nẵng	Vừa làm vừa học	2019	Khá		Anh B	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					
550	94	Phạm Thị Trang	14/10/1990	Nữ	Kinh	Hậu Lộc, Thanh Hóa	x	DHSP	Vật lí	DHSP, ĐH Huế	Chính quy	2012	Khá		Anh B	Tin A		Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo					
551	165	Lâm Thị Thiên Trang	17/01/1990	Nữ	Nùng	Trà Lĩnh, Cao Bằng	x	DHSP	Sinh học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2013	Khá		Anh B	Cơ bản	X	Sinh học	THPT Phan Chu Trinh		DTTS			
552	213	Võ Thị Trang	01/12/1991	Nữ	Kinh	Thạch Hà, Hà Tĩnh	x	DHSP	Vật lí	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2013	TB Khá		Anh B	Tin A		Vật lí	THPT Ea Rôk					
553	266	Bùi Thị Huyền Trang	29/05/1996	Nữ	Mường	Kỳ Sơn, Hòa Bình	x	DHSP	Ngữ Văn	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2018	Trung bình		Anh B	Cơ bản		Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi		DTTS		Bổ sung giấy xác nhận dân tộc thiểu số	Kèm Phụ lục 3
554	274	La Thị Huyền Trang	06/08/1991	Nữ	Tày	Quảng Uyên, Cao Bằng	x	TCSP	Mầm non	Trung cấp SP MN Đắk Lắk	Chính quy	2016	Giỏi		Anh A	Tin A		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng		DTTS			
555	290	Đỗ Thị Thu Trang	05/06/1988	Nữ	Kinh	Kim Sơn, Ninh Bình	x	DHSP	Sinh học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2010	Khá		Anh B	Tin B		Sinh học	THPT Võ Văn Kiệt					
556	370	Nguyễn Thị Xuân Trang	15/07/1993	Nữ	Kinh	An Nhơn, Bình Định	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Giỏi		Anh B	Tin B		Vật lí	THPT Ea Rôk					
557	378	Đỗ Thị Trang	10/08/1989	Nữ	Kinh	Mộ Đức, Quảng Ngãi		DHSP	Ngữ văn	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2012	Giỏi		Anh B	Tin A		Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi				Bổ sung Bằng THPT	Kèm Phụ lục 3
558	396	Trịnh Thị Thu Trang	06/05/1991	Nữ	Kinh	Thuận Thành, Bắc Ninh	x	Đại học	Sinh học	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2013	Khá	x	Anh B	Cơ bản		Sinh học	THPT Ea Rôk					
559	399	Quang Bảo Trang	20/02/1997	Nữ	Tày	Na Hang, Tuyên Quang	x	DHSP	Sinh học	ĐH Tây nguyên	Chính quy	2019	Khá		Anh B	Cơ bản		Sinh học	THPT Tôn Đức Thắng		DTTS			
560	421	Đình Thị Huyền Trang	20/03/1988	Nữ	Kinh	Anh Sơn, Nghệ An	x	Đại học	Toán	ĐH Vinh	Chính quy	2011	Khá	x	Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Buôn Đôn					
561	456	Nguyễn Thị Huyền Trang	06/05/1995	Nữ	Kinh	Tp Nam Định, Nam Định	x	CNSP	Hóa học	ĐH Phú Yên	VLVH	2019	Giỏi		Anh B	Tin B		Hóa học	THPT Lák					
562	537	Trần Thùy Trang	05/05/1996	Nữ	Kinh	Nam Đàn, Nghệ An	x	DHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2018	Khá		Anh B	Cơ bản		Hóa học	THPT Việt Đức					
563	561	Vũ Thị Đài Trang	25/12/1995	Nữ	Kinh	Ý Yên, Nam Định	x	DHSP	Ngữ văn	ĐH Tây nguyên	Chính quy	2017	Trung bình		Anh B	Cơ bản		Ngữ văn	THPT Ea Rôk					
564	568	Mai Thị Thùy Trang	06/11/1994	Nữ	Kinh	Quỳnh Phụ, Thái Bình	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây nguyên	Chính quy	2018	Khá		Anh B	Cơ bản		Vật lí	THPT Việt Đức					
565	706	Ngô Nguyễn Hiền Trang	17/08/1995	Nữ	Kinh	Nghệ An	2013	Cử nhân	SP Hóa học	ĐH Phú Yên	VHVL	2019	Giỏi		Anh B	Tin B		Hóa học	THPT Việt Đức					
566	735	Nguyễn Thị Trang	15/02/1990	Nữ	Kinh	Nghệ An	2008	Cử nhân	SP Lịch sử	ĐHSP TP HCM	Chính quy	2013	Khá		Anh B	Tin B		Lịch sử	THPT Nguyễn Văn Cừ					
567	ND027	Nguyễn Thị Trang	15/03/1996	Nữ	Kinh	Nam Đàn, Nghệ An	x	CNSP	Vật lí	ĐH Vinh	Chính Quy	2018	Khá		Anh B1	Tin B		Vật lí	THPT Trần Phú					
568	127	Phạm Thị Thùy Triều	26/02/1994	Nữ	Kinh	Vĩnh Thanh, Bình Định	x	DHSP	Vật lí	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2016	Khá		Anh B	KTV	X	Vật lí	THPT Nguyễn Thị Minh Khai				Chứng chỉ tin học không hợp lệ	Kèm Phụ lục 2

TT	Số HS	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Bằng THPT	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trường Đào tạo	Loại hình đào tạo	Năm tốt nghiệp	Tốt nghiệp loại	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thạc sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên			Ghi chú 1	Ghi chú 2
																				Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)		
569	441	Nguyễn Thị Thục Trinh	26/11/1996	Nữ	Kinh	Hà Trung, Thanh Hóa	x	Đại học	Giáo dục đặc biệt	ĐHSP TP. Hồ Chí Minh	Chính quy	2018	Khá		Anh B	Cơ bản		GD đặc biệt	TT Hồ trợ PTGDHN Trẻ khuyết tật					
570	582	Đào Thị Tú Trinh	26/10/1996	Nữ	Kinh	Quỳnh Phụ, Thái Bình	x	ĐHSP	Toán	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2019	Khá		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Hùng Vương					
571	601	Hoàng Thị Việt Trinh	28/03/1996	Nữ	Kinh	Triệu Sơn, Thanh Hóa	x	CNSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2018	Khá		Anh B	Cơ bản		Hóa học	THPT Trần Phú					
572	708	Thái Nữ Tú Trinh	28/02/1997	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	2015	Cử nhân	SP Toán	ĐH Vinh	Chính quy	2020	Khá		Anh B1	Cơ bản		Toán	THPT Hùng Vương					
573	506	Lê Quốc Trinh	20/08/1992	Nam	Kinh	Yên Định, Thanh Hóa	x	ĐHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2014	Khá		Anh B	Tin B		Vật lí	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		Con TB			
574	124	Nguyễn Thị Tuyết Trong	20/04/1992	Nữ	Kinh	Tuy An, Phú Yên	x	ĐHSP	Hóa học	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2014	Khá		Anh C	Tin B		Hóa học	THPT Phạm Văn Đồng					
575	228	Lâm Thị Mỹ Trúc	01/11/1996	Nữ	Kinh	Đức Phổ, Quảng Ngãi	x	ĐHSP	Toán học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2019	Khá		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Nguyễn Huệ					
576	428	Đình Thị Như Trúc	30/09/1990	Nữ	Kinh	Tiền Hải, Thái Bình	x	Cử nhân	Giáo dục mầm non	ĐHSP Hà Nội	VLVH	2020	TB Khá		Anh B	Trung cấp		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					
577	569	Nguyễn Thị Trúc	21/11/1995	Nữ	Kinh	Bình Sơn, Quảng Ngãi	x	ĐHSP	Tiếng Anh	ĐH Ngoại ngữ Đà Nẵng	Chính quy	2018	Khá		Nga A2	Cơ bản		Tiếng Anh	THPT Trường Chinh		Con TB		Bổ sung bằng THPT	Kèm Phụ lục 3
578	71	Võ Sĩ Trung	20/12/1990	Nam	Kinh	Phù Cát, Bình Định	x	Đại học	Công nghệ thông tin	ĐH Công nghệ TP. HCM	Chính quy	2015	Trung bình	x	Anh B1	Đại học	x	Tin học	THPT Việt Đức					
579	86	Mã Quang Trung	09/04/1988	Nam	Tày	Hòa An, Cao Bằng	x	ĐHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2011	TB Khá		Anh B	Tin B		Hóa học	THPT Ea Rôk		DTTS			
580	419	Nguyễn Thành Trung	06/01/1991	Nam	Kinh	Kính Môn, Hải Dương	x	ĐHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2013	Khá		Anh B1	Cơ bản	x	Hóa học	THPT Nguyễn Thị Minh Khai					
581	422	Lê Văn Trung	08/02/1989	Nam	Kinh	Hải Châu, Đà Nẵng	x	Đại học	Giáo dục Chính trị	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2013	Khá	x	Anh B	Tin B		GDCD	THPT Lắc					
582	471	Nguyễn Văn Trung	15/08/1993	Nam	Kinh	Phù Vang, Huế	x	ĐHSP	Toán học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2016	Khá		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Lê Hồng Phong					
583	225	Nông Xuân Trường	08/08/1989	Nam	Tày	Trùng Khánh, Cao Bằng	x	Đại học	Tin học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2011	TB Khá	x	Anh B1	Đại học	x	Tin học	THPT Phan Chu Trinh		DTTS			
584	308	Hồ Sỹ Mạnh Trường	05/08/1987	Nam	Kinh	Đồng Hà, Quảng Trị	x	Cử nhân	Toán-Tin	ĐHKH Tự nhiên HCM	Chính quy	2011	TB Khá	x	Anh B	Đại học		Toán-Tin	THPT Nguyễn Thị Minh Khai					
585	252	Nguyễn Quang Trường	19/05/1990	Nam	Kinh	Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	x	ĐHSP	Toán	ĐH Đồng Tháp	Chính quy	2015	Khá		Anh A2	Tin B	x	Toán	THPT Lê Hồng Phong					
586	300	Ngô Anh Tú	08/10/1990	Nam	Kinh	Nam Định	x	Đại học	Tin học	ĐH Tôn Đức Thắng	Chính quy	2014	TB Khá	x	Anh C	Đại học		Tin học	THPT Nguyễn Thị Minh Khai					
587	571	Nguyễn Văn Tú	20/07/1983	Nam	Kinh	Hiệp Hòa, Bắc Giang	x	ĐHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2009	Trung bình		Anh B	Cơ bản	X	Vật lí	THPT Việt Đức					
588	360	Ngô Thị Tư Tư	08/03/1997	Nữ	Kinh	Quảng Trạch, Quảng Bình	x	ĐHSP	Toán	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2019	Khá		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Ea Rôk					
589	367	Hà Nguyễn Cẩm Tư	15/01/1997	Nữ	Kinh	Phù Cát, Bình Định	x	ĐHSP	Toán	ĐH Đà Nẵng	Chính quy	2019	Xuất sắc		Anh C	Cơ bản		Toán	THPT Trường Chinh					
590	47	Phạm Minh Tứ	09/09/1989	Nam	Kinh	Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	x	ĐHSP	Toán học	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2012	Trung bình		Anh B	Tin B		Toán	THPT Trường Chinh					
591	697	Trương Trọng Tuấn	14/09/1994	Nam	Nùng	Trà Linh, Cao Bằng	2012	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Đại học Quy Nhơn	Chính quy	2017	Giỏi		Anh B	Tin A		Lịch sử	THPT Trần Phú		DTTS			
592	276	Hoàng Nguyễn Minh Tuấn	21/12/1995	Nam	Kinh	Quảng Trạch, Quảng Bình	x	ĐHSP	Toán	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2017	Khá		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Trường Chinh					
593	390	Nguyễn Anh Tuấn	18/07/1986	Nam	Kinh	Diễn Châu, Nghệ An	x	Đại học	Bóng đá	ĐH Hồng Bàng TP HCM	Chính quy	2009	TB Khá	x	Anh B	Cơ bản		Thể dục	THPT Trần Phú					

TT	Số HS	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Bằng THPT	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trường Đào tạo	Loại hình đào tạo	Năm tốt nghiệp	Tốt nghiệp loại	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thạc sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên			Ghi chú 1	Ghi chú 2
																				Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)		
594	41	Trần Duy Tùng	24/08/1991	Nam	Kinh	Son Tinh, Quảng Ngãi	x	DHSP	Vật lí	ĐH Phạm Văn Đồng	Chính quy	2018	Trung bình		Anh C	Tin B		Vật lí	THPT Ea Rôk					
595	208	Lê Huy Tùng	23/03/1984	Nam	Kinh	Thọ Xuân, Thanh Hóa	x	DHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2010	TB Khá		Anh B	Tin A		Hóa học	THPT Nguyễn Chí Thanh					
596	599	Lương Văn Tùng	14/08/1991	Nam	Nùng	Quảng Uyên, Cao Bằng	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2013	Khá		Anh B	Tin B	X	Vật lí	THPT Phan Chu Trinh		DTTS			
597	70	Lê Thị Thùy Tuyền	13/08/1992	Nữ	Kinh	Quế Sơn, Quảng Nam	x	DHSP	Hóa học	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2014	Khá		Anh B	Tin B	x	Hóa học	THPT Trần Phú					
598	52	Nguyễn Minh Tuyền	15/04/1990	Nam	Kinh	Tây Sơn, Bình Định	x	DHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2012	Khá		Anh B	Tin A		Hóa học	THPT Ea Rôk					
599	105	Lâm Thanh Tuyền	12/10/1993	Nữ	Kinh	Nghi Xuân, Hà Tĩnh	x	DHSP	Toán	ĐH Phú Yên	Chính quy	2015	Giỏi		Anh B	Tin B		Toán	THPT Ea Rôk					
600	494	Nguyễn Thị Thảo Tuyền	05/11/1990	Nữ	Kinh	Đức Trọng, Lâm Đồng	x	CNSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2012	Giỏi		Anh B	Tin A	x	Vật lí	THPT Buôn Hồ					
601	ND021	Lê Thị Thanh Tuyền	25/04/1989	Nữ	Kinh	Phù Mỹ, Bình Định	x	CNSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính Quy	2011	Khá		Anh B	Tin A	x	Vật lí	THPT Trần Phú					
602	120	Đặng Thị Tuyết	02/09/1990	Nữ	Kinh	Can Lộc, Hà Tĩnh	x	DHSP	Tâm lí giáo dục	ĐHSP-ĐH Huế	Chính quy	2014	Khá		Anh B	Cơ bản		Tâm lí giáo dục	TT Hỗ trợ PTGDHN Trẻ khuyết tật					
603	169	Nguyễn Thị Tuyết	19/10/1985	Nữ	Kinh	Kỳ Anh, Hà Tĩnh	x	DHSP	Địa lí	ĐHSP TP HCM	Chính quy	2011	Khá		Anh B	Tin A		Địa lí	THPT Trần Quang Khải		Con TB			
604	479	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	23/09/1996	Nữ	Kinh	Hòa Vang, Đà Nẵng	x	CNSP	Giáo dục mầm non	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2018	Giỏi		Anh B	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					
605	540	Bùi Thị Tuyết	04/09/1989	Nữ	Kinh	Quỳnh Lưu, Nghệ An	x	DHSP	Toán	ĐH Đà Nẵng	Chính quy	2011	TB Khá		Anh B	Tin B	x	Toán	THPT Hồng Đức					
606	545	Lương Thị Tuyết	20/03/1991	Nữ	Kinh	Điện Bàn, Quảng Nam	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2013	Giỏi		Anh B	Tin B		Vật lí	THPT Việt Đức					
607	720	Lê Thị Ánh Tuyết	24/01/1993	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	2011	Cử nhân	Văn học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Khá	x	Anh B	Tin B		Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi					
608	549	H Um Niê Kdăm	17/02/1986	Nữ	Êđê	Cư M'gar, Đắk Lắk	x	DHSP	Hóa học	ĐHSP Huế	Chính quy	2013	Trung bình		Anh B	Tin A		Hóa học	THPT Nguyễn Tất Thành		DTTS			
609	137	Nguyễn Thị Út	21/12/1996	Nữ	Kinh	Vũ Thư, Thái Bình	x	DHSP	Toán	ĐH Đà Nẵng	Chính quy	2019	Giỏi		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Buôn Đôn					
610	148	Nguyễn Thị Hoàng Uyên	03/02/1991	Nữ	Kinh	Thăng Bình, Quảng Nam	x	DHSP	Ngữ văn	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2014	Khá		Anh B	Tin A		Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo					
611	254	Phạm Bùi Phương Uyên	09/05/1997	Nữ	Kinh	Hương Phú, Thừa Thiên Huế	x	DHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2019	Khá		Anh B	Cơ bản		Hóa học	THPT Trần Phú					
612	348	Trần Thị Thanh Uyên	02/05/1992	Nữ	Kinh	Đức Thọ, Hà Tĩnh	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Khá		Anh B	Tin B		Vật lí	THPT Trần Phú					
613	356	Nguyễn Thị Thùy Uyên	02/10/1993	Nữ	Kinh	Vũ Thư, Thái Bình	x	DHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Giỏi		Anh B	Cơ bản		Hóa học	THPT Nguyễn Văn Cừ					
614	79	Nguyễn Thị Vân	15/10/1992	Nữ	Kinh	Tân Kỳ Nghệ An	x	DHSP	Toán	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Khá		Anh B	Tin B		Toán	THPT Hồng Đức					
615	85	Bùi Thị Vân	16/04/1995	Nữ	Kinh	Quảng Ninh, Quảng Bình	x	Đại học	Lịch sử	ĐH Đà Lạt	Chính quy	2017	Khá	x	Anh B	Cơ bản		Lịch sử	THPT Võ Văn Kiệt					
616	91	Lê Thị Vân	18/04/1988	Nữ	Kinh	Đô Lương, Nghệ An	x	DHSP	Ngữ Văn	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2011	Khá		Anh B	Tin A		Ngữ văn	THPT Phạm Văn Đồng				Chứng chỉ tin học không hợp lệ	Kèm Phụ lục 2
617	159	Đặng Thị Vân	07/12/1996	Nữ	Kinh	Gia Viễn, Ninh Bình	x	DHSP	Vật lí	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2019	Giỏi		Anh B	Cơ bản		Vật lí	THPT Việt Đức					
618	170	Lê Thị Cẩm Vân	06/10/1995	Nữ	Kinh	Đức Thọ, Hà Tĩnh	x	DHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2017	Giỏi		Anh B	Tin B		Hóa học	THPT Trần Phú					

TT	Số HS	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Bằng THPT	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trường Đào tạo	Loại hình đào tạo	Năm tốt nghiệp	Tốt nghiệp loại	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thạc sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên			Ghi chú 1	Ghi chú 2
																				Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)		
619	190	Lê Thị Thanh Vân	20/10/1992	Nữ	Kinh	Điện Bàn, Quảng Nam	x	DHSP	Ngữ văn	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2014	Khá		Anh B	Cơ bản	X	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi					
620	214	Nguyễn Thị Thùy Vân	15/09/1992	Nữ	Kinh	Hương Khê, Hà Tĩnh	x	DHSP	Tin học	ĐH Vinh	Chính quy	2016	Khá		Anh B	Đại học		Tin học	THPT Việt Đức					
621	354	Trần Thị Vân	10/02/1989	Nữ	Kinh	Can Lộc, Hà Tĩnh	x	DHSP	Hóa học	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2011	Khá		Anh B	Tin A		Hóa học	THPT Việt Đức					
622	619	Nguyễn Thị Vân	26/04/1983	Nữ	Kinh	Thăng Bình, Quảng Nam	x	TCSP	Mầm non	TCSP Đam San	Chính quy	2017	Giỏi		Anh B	Tin B		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng				Chứng chỉ tin học, ngoại ngữ không hợp lệ	Kèm Phụ lục 2
623	696	Cao Hoàng Vân	31/05/1990	Nữ	Kinh	Thái Bình, Thái Bình	2008	Đại học	Sư phạm Vật lí	Đại học Tây Nguyên	Chính quy	2012	Khá		Anh B	Tin B		Vật lí	THPT Trần Phú					
624	711	Phan Thị Thùy Vân	21/01/1998	Nữ	Kinh	Bình Định	2016	Cử nhân	GDQP-AN	ĐH Vinh	Chính quy	2020	Khá		Anh B1	Cơ bản		GDQP-AN	THPT Võ Văn Kiệt					
625	2	Lê Thị Tường Vi	19/06/1991	Nữ	Kinh	Thăng Bình, Quảng Nam	x	Đại học	Tiếng Anh	ĐH Ngoại ngữ Đà Nẵng	Chính quy	2013	Khá	x	Nhật A2	Tin B		Tiếng Anh	THPT Phan Đình Phùng					
626	263	Nguyễn Thị Thúy Vi	24/02/1997	Nữ	Kinh	Phù Cát, Bình Định	x	DHSP	Sinh học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2019	Khá		Anh B	Cơ bản		Sinh học	THPT Ea Rôk					
627	272	Vàng Thị Yến Vi	19/05/1987	Nữ	Thái	Mai Sơn, Sơn La	x	Đại học	Tâm lý Giáo dục	DHSP Huế	Chính quy	2009	Khá	x	Anh B	Cơ bản		Tâm lý giáo dục	TT Hỗ trợ PTGDHN Trẻ khuyết tật		DTTS		Chứng chỉ ngoại ngữ không hợp lệ	Kèm Phụ lục 2
628	423	Hoàng Thị Tường Vi	15/01/1991	Nữ	Kinh	Thăng Bình, Quảng Nam	x	DHSP	Giáo dục mầm non	ĐHSP TP. Hồ Chí Minh	Vừa làm vừa học	2014	Khá		Anh A2	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					
629	466	Dương Trúc Vi	07/02/1996	Nữ	Kinh	Đức Phổ, Quảng Ngãi	x	CNSP	Tiếng Anh	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2018	Khá		Pháp B	Cơ bản		Tiếng Anh	THPT Nguyễn Bình Khiêm					
630	730	Nguyễn Thị Vĩ	07/09/1985	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	2004	Cử nhân	GDMN	ĐHSP Hà Nội	Từ xa	2013	Trung bình		Anh B	Tin B		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					
631	292	Lê Thị Viên	26/03/1991	Nữ	Kinh	Phù Cát, Bình Định	x	DHSP	Vật lí	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2013	TB Khá		Anh B1	Tin B	x	Vật lí	THPT Phan Chu Trinh					
632	251	Phạm Quốc Việt	12/05/1993	Nam	Kinh	Quảng Trạch, Quảng Bình	x	DHSP	Vật lí	ĐH Vinh	Chính quy	2017	Khá		Anh B	Cơ bản		Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo				Bổ sung chứng chỉ ngoại ngữ (chỉ có GXN)	Kèm Phụ lục 3
633	462	Huỳnh Quốc Việt	01/11/1990	Nam	Kinh	Bình Sơn, Quảng Ngãi	x	Đại học	Giáo dục thể chất	ĐH TDTT Đà Nẵng	Chính quy	2013	Khá	x	Anh B	Tin B		Thể dục	THPT Phan Chu Trinh		Con TB			
634	640	Phạm Quốc Việt	21/09/1994	Nam	Kinh	Vũ Thư, Thái Bình	x	CNSP	Toán học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2016	Khá		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Hồng Đức					
635	649	Trần Lê Việt	13/08/1989	Nam	Kinh	Thăng Bình, Quảng Nam	2007	Đại học	Sư phạm Hoá học	Đại học Tây Nguyên	Chính quy	2011	Giỏi		Anh B	Tin B		Hóa học	THPT Nguyễn Thị Minh Khai					
636	265	H' Vina Byã	22/12/1997	Nữ	Êđê	Cư M'gar, Đắk Lắk	x	TCSP	Mầm non	Trung cấp SP MN Đắk Lắk	Chính quy	2017	Khá		Anh B	Tin A		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng		DTTS			
637	132	Nguyễn Thanh Vinh	20/05/1989	Nam	Kinh	Lệ Thủy, Quảng Bình	x	Đại học	GD Chính trị	ĐH Quảng Bình	Chính quy	2013	Khá		Anh B	Tin B		GDGD	THPT LẮk					
638	158	Võ Khắc Vinh	12/09/1991	Nam	MNông	Lạc Dương, Lâm Đồng	x	Đại học	GD Thể chất	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2013	Khá		Anh B	Cơ bản		Thể dục	THPT Nguyễn Chí Thanh		DTTS			
639	470	Lê Văn Vinh	15/04/1984	Nam	Kinh	Tư Nghĩa, Quảng Ngãi	x	Đại học	Vật lí	ĐHKH Huế	Chính quy	2008	TB Khá	x	Anh B1	Anh ngữ CNTT	x	Vật lí	THPT Buôn Hồ				Chứng chỉ tin học không hợp lệ	Kèm Phụ lục 2
640	637	Nguyễn Quốc Vinh	01/05/1987	Nam	Kinh	Quận 2, Tp Hồ Chí Minh	x	Cử nhân	Tin học	ĐHKH Huế	VLVH	2010	TB Khá	x	Anh B	Đại học		Tin học	THPT LẮk					
641	ND020	Bùi Thành Vinh	15/11/1988	Nữ	Kinh	Núi Thành, Quảng Nam	x	CNSP	Toán học	ĐH Tây Nguyên	Chính Quy	2010	Khá		Cử nhân	Tin B	x	Toán	THPT Hồng Đức					
642	474	Mạnh Quang Vũ	05/10/1993	Nam	Kinh	Đồng Xuân, Phú Yên	x	DHSP	Toán học	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2015	Khá		Anh B	Tin B		Toán	THPT Hồng Đức					
643	542	Nguyễn Văn Vững	29/10/1993	Nam	Kinh	Quỳnh Phụ, Thái Bình	x	DHSP	Toán	ĐHSP Thái Nguyên	Chính quy	2017	Khá		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Hùng Vương					

TT	Số HS	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Bằng THPT	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trường Đào tạo	Loại hình đào tạo	Năm tốt nghiệp	Tốt nghiệp loại	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thạc sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên			Ghi chú 1	Ghi chú 2
																				Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)		
644	294	Hoàng Thị Vườn	08/10/1991	Nữ	Tày	Nguyễn Bình, Cao Bằng	x	DHSP	Tiếng Anh	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Khá		Pháp B	Tin B		Tiếng Anh	THPT Ea Rôk		DTTS			
645	61	Phan Văn Vương	20/11/1992	Nam	Kinh	Can Lộc, Hà Tĩnh	x	DHSP	Sinh học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2016	Khá		Anh B	Tin B		Sinh học	THPT Ea Rôk					
646	459	Lê Trần Nữ Vương	24/10/1997	Nữ	Kinh	Điện Bàn, Quảng Nam	x	CĐSP	Giáo dục mầm non	CĐSP Đắk Lắk	Chính quy	2018	Khá		Anh A2	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					
647	642	Phan Mạnh Vương	26/02/1993	Nam	Kinh	Đức Thọ, Hà Tĩnh	x	CNSP	Sinh học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2015	Khá		Anh B	Tin A		Sinh học	THPT Ea Rôk					
648	518	Nguyễn Khắc Vương	17/12/1989	Nam	Kinh	Lệ Thủy, Quảng Bình	x	Đại học	Công nghệ thông tin	ĐH KTCN TP. Hồ Chí Minh	Chính quy	2012	Khá	x	Anh B	Đại học		Tin học	THPT Phan Chu Trinh					
649	97	Trương Thị Vy	15/08/1990	Nữ	Kinh	Mộ Đức, Quảng Ngãi	x	TCSP	Mầm non	ĐHSP Đà Nẵng	Vừa làm vừa học	2016	Khá		Anh A	Tin B		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					
650	538	Đinh Thị Thúy Vy	17/07/1997	Nữ	Kinh	Hoài Nhơn, Bình Định	x	CĐSP	Giáo dục mầm non	CĐSP Đắk Lắk	Chính quy	2018	Khá		Anh A2	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					
651	597	Nguyễn Văn Vy	10/12/1989	Nam	Kinh	Duy Xuyên, Quảng nam	x	DHSP	Toán	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2012	TB Khá		Anh B	Tin A	X	Toán	THPT Trần Hưng Đạo					
652	491	H' Wer Bing	08/11/1988	Nữ	Êđê	Lắk, Đắk Lắk	x	CNSP	Ngữ văn	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2012	Khá		Anh B	Tin B		Ngữ văn	THPT Lắk		DTTS			
653	351	Nông Thị Xanh	17/07/1992	Nữ	Nùng	Lộc Bình, Lạng Sơn	x	DHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2014	Khá		Anh B	Tin A		Hóa học	THPT Nguyễn Tất Thành		DTTS			
654	19	Trần Thị Xuân	29/06/1991	Nữ	Kinh	Quyển Phụ, Thái Bình	x	Đại học	Vật lí	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2013	Trung bình	x	Anh B1	Tin B	x	Vật lí	THPT Buôn Hồ					
655	223	Nông Thị Xuân	07/09/1990	Nữ	Tày	Trùng Khánh, Cao Bằng	x	DHSP	Giáo dục mầm non	ĐHSP Hồ Chí Minh	VLVH	2019	Khá		Anh B	Tin B		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng		DTTS			
656	283	Nguyễn Thị Xuân	28/06/1990	Nữ	Kinh	Mỹ Đức, Hà Tây	x	DHSP	Toán	ĐH Đà Lạt	Chính quy	2012	Khá		Anh B	Tin A		Toán	THPT Ea Rôk					
657	318	Hoàng Thị Thân Xuân	09/03/1991	Nữ	Kinh	Quảng Trạch, Quảng Bình	x	Cử nhân	Hóa học	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2013	Khá	x	Anh B	Tin B		Hóa học	THPT Nguyễn Văn Cừ					
658	581	Nguyễn Viêt Xuân	26/03/1997	Nam	Kinh	Ứng Hòa, Hà Nội	x	DHSP	Hóa học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2019	Khá		Anh B	Cơ bản		Hóa học	THPT Trần Phú					
659	224	Nguyễn Công Ý	26/06/1994	Nam	Kinh	Hoài Nhơn, Bình Định	x	Đại học	Giáo dục thể chất	ĐH TDĐT Đà Nẵng	Chính quy	2017	Trung bình	x	Anh B	Cơ bản		Thể dục	THPT Phan Chu Trinh					
660	490	Mai Trâm Như Ý	21/12/1988	Nữ	Kinh	Ninh Hòa, Khánh Hòa	x	TCSP	Giáo dục mầm non	TCSP Mầm non Đắk Lắk	Chính quy	2016	Giỏi		Anh B	Tin B		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					
661	511	Trần Thị Như Ý	15/11/1992	Nữ	Kinh	Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	x	DHSP	Hóa học	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2014	Khá		Anh C	Tin B		Hóa học	THPT Việt Đức		Con BB			
662	10	Nguyễn Thị Yến	13/03/1993	Nữ	Kinh	Yên Thành, Nghệ An	x	DHSP	Vật lí	ĐHSP Vinh	Chính quy	2015	Khá		Anh B	Tin B		Vật lí	THPT Trần Phú					
663	38	Nguyễn Thị Ngọc Yến	21/06/1991	Nữ	Kinh	Quyển Phụ, Thái Bình	x	DHSP	Hóa học	ĐH Quy Nhơn	Chính quy	2013	Khá		Anh B	Tin B		Hóa học	THPT Trần Phú					
664	187	Chu Thị Hồng Yến	17/10/1994	Nữ	Kinh	Phổ Yên, Thái Nguyên	x	Đại học	Văn học	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2017	Khá	x	Anh B	Cơ bản		Ngữ văn	THPT Phạm Văn Đồng					
665	512	Trần Thị Yến	16/05/1987	Nữ	Kinh	Vũ Quang, Hà Tĩnh	x	DHSP	Toán	ĐH Tây Nguyên	Chính quy	2011	Khá		Anh B	Tin A		Toán	THPT Trần Hưng Đạo					
666	565	Nguyễn Thị Yến	07/08/1997	Nữ	Kinh	Thăng Bình, Quảng Nam	x	DHSP	Toán	ĐH Tây nguyên	Chính quy	2019	Khá		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Hùng Vương					
667	667	Trịnh Thị Hoàng Yến	25/12/1997	Nữ	Kinh	Mộ Đức, Quảng Ngãi	2016	Đại học	Sư phạm Hoá học	Đại học Cần Thơ	Chính quy	2020	Khá		TOEIC 700	Cơ bản		Hóa học	THPT Nguyễn Chí Thanh					
668	678	Kha Thị Yến	28/07/1988	Nữ	Thái	Tương Dương, Nghệ An	2006	Đại học	Sư phạm Toán học	Đại học Tây Nguyên	Chính quy	2011	TB Khá		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Trường Chinh		DTTS			

TT	Số HS	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Bằng THPT	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trường Đào tạo	Loại hình đào tạo	Năm tốt nghiệp	Tốt nghiệp loại	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thạc sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên			Ghi chú 1	Ghi chú 2
																				Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)		
669	703	Trần Thị Hồng Yến	18/07/1994	Nữ	Kinh	Nam Định	2013	Cao đẳng	GDMN	CDSP Đắk Lắk	Chính quy	2016	Khá		Anh B	Tin B		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					
670	484	H' Zôn Ayun	13/12/1996	Nữ	Êđê	Cư M'gar, Đắk Lắk	x	TCSP	Mầm non	TCSP Mầm non Đắk Lắk	Chính quy	2017	Khá		Anh B	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng		DTTS			

* Danh sách này gồm có 670 người./.